

Số: 18/2025/CBTT- VFS
V/v: Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2025

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch Chứng Khoán Việt Nam;
Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt – Mã số thành viên: 094.
Địa chỉ: Số 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành Quận 1. TP HCM.
Điện thoại: (028) 6 255 6586 - Fax: (028) 6 255 6580

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành Quận 1. TP HCM

Điện thoại: (028) 6 255 6586 - fax: (028) 6 255 6580

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/03/2025 tại đường dẫn: <https://www.vfs.com.vn/danh-muc-bao-cao/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp ĐHĐCD thường niên 2025
- Nghị quyết ĐHĐCD thường niên 2025

Người được ủy quyền công bố thông tin
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HẰNG

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt ngày 20/03/2025.



QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Theo Báo cáo số 01/2025/BC-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Theo Báo cáo số 01/2025/BC-UBKT-VFS đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 (Theo Báo cáo Ban Tổng Giám đốc đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 (Theo Tờ trình số 01/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 (Theo Tờ trình số 02/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 6. Thông qua tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 (Theo Tờ trình số 03/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 7. Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 8. Thông qua tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (Theo Tờ trình số 05/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 9. Thông qua tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Theo Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 10. Thông qua tờ trình Tiếp tục phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024. (Theo Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 11. Thông qua tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 12. Thông qua tờ trình chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch lớn (Theo tờ trình số 09/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm).

Điều 13. Thông qua tờ trình báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ (Theo tờ trình số 10/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)..

Điều 14. Thông qua tờ trình Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 (Theo tờ trình số 11/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)

Điều 15. Thông qua tờ trình thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 (Theo tờ trình số 12/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)

Điều 16. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HĐQT, UBKT, BTGD;
- Lưu VT;
- CBTT theo quy định.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Tên công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.**
2. Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, số 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 100/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/10/2008 và các lần sửa đổi bổ sung.
4. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0306081775 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2008, thay đổi lần thứ 07 ngày 11/01/2024.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

1. Thời gian: bắt đầu lúc 8 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 03 năm 2025.
2. Địa điểm: Hội trường tầng 3, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông;
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, cán bộ nhân viên của Công ty.

IV. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025:

1. Bà Lê Bích Huyền - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt diễn ra vào ngày 20/03/2025 ("Đại hội"/"ĐHĐCD"):
 - Tổng số cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 20/02/2025): 1.649 cổ đông, đại diện cho 120.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 1.649 cổ đông, đại diện cho 120.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Tại thời điểm 8 giờ 35 phút ngày 20/03/2025, tổng số cổ đông có mặt tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền) là 26 cổ đông/đại

diện cổ đông, đại diện cho 90.876.238 cổ phần, chiếm 75,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty **đủ điều kiện tiến hành**.

2. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu Đại hội:

Bà Nghiêm Phương Nhi – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm chủ tọa Đại hội theo quy định. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu Đại hội như sau:

a. Đoàn Chủ tịch Đại hội

- Bà Nghiêm Phương Nhi – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Chủ tọa Đại hội;
- Ông Trần Anh Thắng – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty;
- Bà Nguyễn Thị Lan – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội.

b. Ban Kiểm phiếu Đại hội

- Bà Trương Thị Ngân – Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Anh Tú – Thành viên;
- Bà Phạm Thị Bích Dung - Thành viên.

Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Chủ tọa chỉ định thư ký Đại hội :

- Bà Nguyễn Thị Thúy Chung - Trưởng ban Thư ký Đại hội;
- Bà Bùi Thị Thùy Linh – Thành viên ban Thư ký Đại hội;

4. Bà Nguyễn Thị Thúy Chung - Trưởng ban Thư ký Đại hội trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

5. Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

- Nội dung 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Nội dung 2. Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024 tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
- Nội dung 3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- Nội dung 4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

- Nội dung 5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.
- Nội dung 6. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025;
- Nội dung 7. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Nội dung 8. Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Nội dung 9. Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;
- Nội dung 10. Tờ trình Tiếp tục phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024;
- Nội dung 11. Tờ trình phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Nội dung 12. Tờ trình chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan và phê duyệt các Hợp đồng, giao dịch lớn;
- Nội dung 13. Tờ trình báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ;
- Nội dung 14. Tờ trình Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029;
- Nội dung 15. Tờ trình Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029;

Chương trình được ĐHCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

V. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY

1. Đại hội đã nghe Bà Nghiêm Phương Nhi – Chủ tịch Hội đồng Quản trị trình bày:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. *(Theo Báo cáo số 01/2025/BC-HĐQT-VFS)*;
2. Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Lan – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trình bày:
 - Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 *(Theo Báo cáo số 01/2025/BC-UBKT-VFS)*
 - Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 *(Theo Tờ trình số 01/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)*
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 *(Theo Tờ trình số 02/2025/TTr-HĐQT-VFS)*;
 - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025. *(Theo Tờ trình số 03/2025/TTr-HĐQT-VFS)*
3. Đại hội đã nghe Ông Trần Anh Thắng – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty trình bày:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 (Theo Báo cáo Ban Tổng Giám đốc)
4. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Xuân Điệp – Thành viên HĐQT độc lập trình bày:
- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT-VFS)
 - Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (Theo Tờ trình số 05/2025/TTr-HĐQT-VFS)
 - Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Theo Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT-VFS)
 - Tờ trình Tiếp tục phân phối cổ phiếu Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024. (Theo Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT-VFS)
 - Tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT-VFS)
5. Đại hội đã nghe Ông Hoàng Thế Hưng – Thành viên HĐQT trình bày:
- Tờ trình chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch lớn (Theo tờ trình số 09/2025/TTr-HĐQT-VFS);
 - Tờ trình báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ (Theo tờ trình số 10/2025/TTr-HĐQT-VFS);
 - Tờ trình Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 (Theo tờ trình số 11/2025/TTr-HĐQT-VFS)
 - Tờ trình Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 (Theo tờ trình số 12/2025/TTr-HĐQT-VFS)

VI. THẢO LUẬN VÀ Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

Đoàn chủ tọa và Đại hội đã lắng nghe ý kiến các cổ đông và tiến hành thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại Đại hội. Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, giải thích tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

VII. BIỂU QUYẾT

Chủ tọa điều khiển Đại hội tiến hành bỏ Phiếu biểu quyết đối với các nội dung tại các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.

Ban Kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông về thể lệ biểu quyết.

Sau khi các cổ đông hoàn thành việc bỏ Phiếu biểu quyết, các hòm phiếu được chuyển vào khu vực kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu.

Trong thời gian Ban kiểm phiếu làm việc, Đại hội nghỉ giải lao.

VIII. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Tại thời điểm biểu quyết lúc 11 giờ 30 phút, có thêm 02 cổ đông đăng ký tham dự và biểu quyết. Tổng số cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội là 28 cổ đông, đại diện cho 99.756.238 phiếu biểu quyết.

❖ Kết quả kiểm Phiếu biểu quyết

Sau khi kết thúc thời gian kiểm phiếu, Bà Trương Thị Ngân – Trưởng Ban kiểm phiếu thông báo tới toàn thể Đại hội kết quả kiểm Phiếu biểu quyết như sau:

- Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu.
- Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết.
- Kết quả kiểm phiếu thực tế: Tổng số cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội là 28 cổ đông, đại diện cho 99.756.238 phiếu biểu quyết.

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
2	Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024 tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
3	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)
5	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
6	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2025	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
7	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
8	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
9	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
10	Tờ trình Tiếp	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
	tục phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024	Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
11	Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
12	Tờ trình chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty với bên liên quan và phê duyệt các Hợp đồng, giao dịch lớn	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
13	Tờ trình báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%
14	Tờ trình Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
		lệ			kiến		
15	Tờ trình Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029	Tổng	99.756.238	100%	Tán thành	99.756.238	100%
		Hợp lệ	99.756.238	100%	Không tán thành	0	0%
		Không hợp lệ	0	0%	Không có ý kiến	0	0%

(*) tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

IX. NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI THÔNG QUA

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Các nội dung sau đây đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua:

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Theo Báo cáo số 01/2025/BC-HĐQT-VFS đính kèm)** với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Theo Báo cáo số 01/2025/BC-UBKT-VFS đính kèm)** với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 (Theo Báo cáo Ban Tổng Giám đốc đính kèm)** với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 (Theo Tờ trình số 01/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)** với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025 (Theo Tờ trình số 02/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)** với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Thông qua tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025. (Theo Tờ trình số 03/2025/TTr-HĐQT-VFS đính kèm)** với tỷ lệ **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

7. **Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty** (Theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. ;
8. **Thông qua tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị** (Theo Tờ trình số 05/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
9. **Thông qua tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** (Theo Tờ trình số 06/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
10. **Thông qua tờ trình Tiếp tục phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.** (Theo Tờ trình số 07/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
11. **Thông qua tờ trình Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu** (Theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành
12. **Thông qua tờ trình chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch lớn** (Theo tờ trình số 09/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
13. **Thông qua tờ trình báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ** (Theo tờ trình số 10/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
14. **Thông qua tờ trình Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029** (Theo tờ trình số 11/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
15. **Thông qua tờ trình thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029** (Theo tờ trình số 12/2025/TTr-HDQT-VFS đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

X. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI:

Bà Nguyễn Thị Thúy Chung – Trưởng ban Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Biên bản và Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Đại hội bế mạc hồi 12 giờ 00 phút cùng ngày.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, UBKT, BTGD;
- Lưu: VT.
- CBTT theo quy định

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



NGUYỄN THỊ THÚY CHUNG

CHỦ TỌA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (“VFS”).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông (“Đại hội”), điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt chốt ngày 20/02/2025 (“Ngày chốt danh sách”) hoặc những người được uỷ quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự đại hội:

- a. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Thông báo vv Mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
 - Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác, bản sao Giấy chứng nhận ĐKDN (đối với tổ chức).
 - Bản gốc Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ đối chiếu, xác định cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội (trường hợp cổ đông không mang theo Thông báo vv Mời dự họp ĐHĐCđ thường niên 2025 nhưng các giấy tờ khác chứng minh phù hợp thì vẫn được xác định đủ tư cách). Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông được nhận Thẻ và Phiếu biểu quyết. Giá trị của Thẻ/Phiếu biểu quyết mà cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- b. Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký.
- d. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- g. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- h. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa cho phép bằng văn bản; không quay phim, chụp ảnh, ghi âm nếu không được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch trong thời gian Đại hội diễn ra; Không truyền tin ra ngoài dưới mọi hình thức cho đến khi có kết luận cuộc họp nếu không được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch và tuân thủ

các quy định khác theo thông báo của Đoàn Chủ tịch/Ban tổ chức trong quá trình diễn ra Đại hội.

- i. Các Cổ đông chấp nhận rằng mọi trao đổi gửi đến hoặc gửi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện trực tuyến khác mà Cổ đông đã đăng ký, cung cấp cho Công ty hoặc trên danh sách cổ đông là của chính Cổ đông, và mặc nhiên được hiểu là đã được gửi đến cho hoặc gửi từ Cổ đông.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa

5.1. Đoàn Chủ tịch bao gồm: Chủ tọa và các thành viên khác của Đoàn Chủ tịch.

5.2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

5.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5.4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tọa đại hội:

- a. Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự;
- b. Chủ trì giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra ĐHĐCĐ;
- c. Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- d. Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết (tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc) đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Trường hợp này, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
- e. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại Ngày chốt danh sách; Phát các tài liệu, Thẻ/Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

7.1. Chủ tọa chỉ định Thư ký tại Đại hội.

7.2. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội, lập và ký Biên bản Đại hội.
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.
- b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.
- c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông.
- d. Tổng hợp số phiếu biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả trước Đại hội đồng cổ đông và Đoàn Chủ tịch.

CHƯƠNG III

TIỀN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt chốt tại Ngày chốt danh sách.

Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ tỷ lệ tiến hành thì Công ty thực hiện tổ chức Đại hội lần thứ hai, lần thứ ba theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc nghiêm túc, lịch sự.

10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt nguồn hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ/PHIẾU theo số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT và 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT trong đó ghi: Tên Cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

11.1. THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết các nội dung sau:

- a. Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch Đại hội;
- b. Thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- d. Thông qua Chương trình nghị sự;
- e. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

11.2. PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu xanh**, dùng để biểu quyết các nội dung theo báo cáo, tờ trình.

a. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Là Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu biểu quyết không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa;
- Có chữ ký xác nhận của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết
- Chỉ đánh dấu (X/✓) một lần cho một nội dung biểu quyết

b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Không phải do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
- Không có chữ ký xác nhận của cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự.
- Không đánh dấu hoặc có quá một lần đánh dấu (X/✓) đối với một nội dung biểu quyết.

- c. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu.
- d. Phiếu biểu quyết đã phát cho cổ đông khi đăng ký tư cách cổ đông được coi là Phiếu biểu quyết đã phát ra. Trong trường hợp cổ đông rời khỏi cuộc họp trước, không thể có mặt đến khi hết chương trình, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức Đại hội. Nếu cổ đông không nộp Phiếu biểu quyết khi Ban kiểm phiếu tiến hành thủ tục kiểm phiếu thì Phiếu biểu quyết đó được coi là Không thu về.
- e. Một nội dung biểu quyết không hợp lệ không ảnh hưởng đến hiệu lực của các nội dung khác được biểu quyết hợp lệ.

11.3. CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT:

- a. Biểu quyết công khai trực tiếp đối với từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách cổ đông giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết được quy định tại khoản 11.1 Điều này. Kết quả biểu quyết sẽ được công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết Tán thành thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành. Tương tự, các cổ đông biểu quyết Không tán thành hoặc Không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

- b. Biểu quyết công khai đối với các nội dung khác cần biểu quyết bằng cách bỏ Phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.
 - Khi bỏ Phiếu biểu quyết, cổ đông đánh dấu (X) hoặc (✓) vào 1 trong 3 ô biểu quyết “Tán thành”; “Không tán thành” và “Không có ý kiến”.
 - Trường hợp cổ đông đánh dấu sai thì phải gạch bỏ đè lên phần đánh dấu bị sai, ký lại vào bên cạnh chỗ gạch bỏ (không tẩy xóa, sửa chữa trên phần đánh dấu sai) và đánh dấu lại.
 - Nội dung biểu quyết không có đánh dấu (X) hoặc (✓) vào ô biểu quyết nào được coi là không có ý kiến.

Điều 12. Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua quy định cụ thể như sau:

12.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 12.2 Điều này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

12.2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;
- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

12.3. Nghị quyết về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán
- Lưu:HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


NGHIÊM PHƯƠNG NHI



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT
VIET FIRST SECURITIES CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/The Company's Business Registration Certificate No.: 0306081775

Tên số chứng: Lầu 1, Số 117-119-121 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head Office: 1st floor, 117-119-121 Nguyen Du Street, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Website: <https://www.vfs.com.vn/>

Tel: (+8428) 6 255 6586

Fax: (+8428) 6 255 6580

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT
TENTATIVE AGENDA
2025 ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING

Thời gian: 08 giờ 00 phút, Thứ năm, ngày 20 tháng 03 năm 2025.

Time: 8:00 on Thursday, March 20th, 2025.

Địa điểm: Hội trường Tầng 3, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Venue: Conference Hall, 3rd Floor, 37 Ba Trieu Street, Hang Bai Ward, Hoan Kiem District, Hanoi.

Thời gian /Time	Nội dung /Contents
8h00 - 08h30	Đón tiếp Đại biểu dự họp/ <i>Welcome guests</i>
	Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội/ <i>Verifying shareholders' attendance</i>
08h30 - 09h00	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu/ <i>Statement of Reasons and Introducing delegates</i>
	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội/ <i>Report on the Verification of Shareholder Eligibility to Attend the General Meeting</i>
	Thông qua đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu và thư ký Đại hội/ <i>Nominate the Presidium, Vote Counting Committee, Board of Secretary</i>
	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội/ <i>Approve the meeting regulations</i>
	Thông qua Chương trình Đại hội/ <i>Approve the agenda</i>
09h00 - 10h00	Nội dung Đại hội/ <i>Contents</i>
	1. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; <i>Report on the Board of Directors (BOD) at the 2025 Annual General Shareholders' Meeting;</i>
	2. Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2024 tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025; <i>Report on the activities of the Audit Committee and Independent Members of the BOD in the Audit Committee in 2024 at the 2025 Annual General Shareholders' Meeting;</i>
	3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025; <i>Report of the Board of Management on the business performance in 2024</i>

Thời gian /Time	Nội dung /Contents
	<p><i>and Business Plan for 2025;</i></p> <p>4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024; <i>Approval of the Audited Financial Statements for the year of 2024;</i></p> <p>5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025; <i>Proposal for the Selection of Auditors for the 2025 Financial Statements;</i></p> <p>6. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025; <i>Proposal for Distribution of net profit of the year 2024 and plan for 2025; the Remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board (BOS) for 2024 and the Remuneration Plan for 2025;</i></p> <p>7. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; <i>Proposal to amend and supplement the Company's Charter;</i></p> <p>8. Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; <i>Proposal to amend and supplement the Regulations on operation of the Board of Directors;</i></p> <p>9. Tờ trình bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <i>Proposal to amend and supplement the Internal regulations on company administration;</i></p> <p>10. Tờ trình Tiếp tục phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024; <i>Proposal for continuing stock distribution according to the plan for issuing shares to 2023 dividend payment; Plan for issuing shares to 2024 dividend payment;</i></p> <p>11. Tờ trình phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; <i>Proposal for Plan on issuing shares to shareholders;</i></p> <p>12. Tờ trình chủ trương thực hiện các giao dịch, Hợp đồng với các Bên liên quan và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch lớn; <i>Proposal for Policy on executing contracts and transactions between the Company and Related Parties and approving major contracts and transactions;</i></p> <p>13. Tờ trình báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ; <i>Proposal report on the addition of derivative securities business operations and the continued application for additional business operation licenses;</i></p> <p>14. Tờ trình Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029; <i>Proposal for Dismissal of the Board Member for the term 2024 - 2029;</i></p> <p>15. Tờ trình thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 <i>Proposal for Change in the number of Board Members for the term 2024 - 2029;</i></p> <p>16. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. <i>Others issues within the scope of the General shareholders' meeting.</i></p>
10h00 – 10h15	Đại hội tiến hành thảo luận, trả lời chất vấn của cổ đông/ <i>Discussion</i>
10h15 – 10h30	Biểu quyết thông qua các vấn đề trình Đại hội/ <i>Voting</i>
10h30 – 10h40	Nghỉ Giải lao/ <i>Recess period</i>
10h40 – 10h50	Công bố kết quả Biểu quyết thông qua các vấn đề trình Đại hội/ <i>Announce the voting results on the matters presented to the Meeting</i>
10h50 – 10h55	Thông qua Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội/ <i>Approve the Minutes of Meeting and the draft AGM's Resolution.</i>
10h55 – 11h00	Bế mạc Đại hội/ <i>Concluding ceremony</i>

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) trong năm 2024

1. Công tác tổ chức

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt hoạt động với 05 thành viên: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, 01 thành viên HĐQT, và 02 Thành viên HĐQT độc lập. Số lượng, và tỉ lệ tuân chi theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Trong năm, có sự thay đổi về cơ cấu thành viên trong HĐQT. Cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (<i>thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành</i>)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm (*)	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT	10/04/2021	20/04/2024
2	Bà Nghiêm Phương Nhi	Chủ tịch HĐQT	20/04/2024	
3	Ông Trần Anh Thắng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	10/04/2021	
4	Ông Hoàng Thế Hưng	TV. HĐQT	20/04/2024	
5	Bà Nguyễn Thị Lan	TV. HĐQT độc lập	20/04/2024	
6	Ông Nguyễn Xuân Diệp	TV. HĐQT độc lập	20/04/2024	
7	Bà Trịnh Thị Lan	TV. HĐQT	08/04/2023	20/04/2024



8	Ông Nguyễn Tài Vinh	TV. HĐQT	08/04/2023	20/04/2024
9	Bà Tạ Hải Hà	TV. HĐQT độc lập	08/04/2023	20/04/2024

(*) Ngày bổ nhiệm tính từ ngày Thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị bầu

2. Công tác của HĐQT trong năm 2024

Trong năm HĐQT đã thông qua 22 Nghị quyết được 100% thành viên tán thành. Cụ thể như sau:

- Nghị quyết HĐQT số 01.01/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc hủy bỏ Tiểu ban quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị và ban hành một số quy định, quy chế nội bộ của Công ty vào ngày 06/02/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 01/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 27/02/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng vào ngày 06/03/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 03/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 27/03/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 04/2024/NQ/VFS-HĐQT bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị vào ngày 20/04/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 04.01/2024/NQ/VFS-HĐQT Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán vào ngày 26/04/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 05/2024/NQ/VFS-HĐQT Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 23/05/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 06/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc ký hợp đồng kiểm toán năm 2024 với Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) vào ngày 21/06/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 07/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc rà soát hệ thống, kiện toàn bộ máy vận hành của Công ty vào ngày 24/06/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 08/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua Thông qua cơ cấu nhân sự Phòng kiểm toán nội bộ vào ngày 18/07/2024;

- Nghị quyết HĐQT số 09/2024/NQ/VFS-HĐQT Hợp Đội đồng Quản trị định kỳ Quý 2 năm 2024 vào ngày 26/07/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 10/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc điều chỉnh Hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP An Bình vào ngày 22/08/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 13/2023/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc điều chỉnh Hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 22/08/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 12/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc gửi tiền và mua chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng vào ngày 22/08/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 13/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc thành lập Hội đồng Mua sắm và Chi phí vào 11/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 14/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Mua sắm và Chi phí vào ngày 11/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 15/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc thành lập Hội đồng Đầu tư và Nguồn vốn vào 11/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 16/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đầu tư và Nguồn vốn vào ngày 11/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 19/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua kế hoạch đầu tư, phát triển công nghệ giai đoạn cuối năm 2024 và năm 2025 vào ngày 22/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 20/2024/NQ/VFS-HĐQT Ban hành Hệ thống Phân quyền của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt vào ngày 22/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 17/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để chào bán cổ phiếu còn lại chưa phân phối trong đợt phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 29/11/2024;
- Nghị quyết HĐQT số 18/2024/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc điều chỉnh Hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP An Bình vào ngày 04/12/2024;

3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu: 293.671 tỷ đồng, vượt 4,30% so với kế hoạch năm 2024 và tăng 20,10% so với thực hiện năm 2023.
- Tổng chi phí: 137.583 tỷ đồng, cao hơn 0,16% so với thực hiện năm 2023 và cũng cao hơn 8,84% so với kế hoạch 2024 đã đề ra.
- Tổng chi phí: 137.583 tỷ đồng, cao hơn 0,16% so với thực hiện năm 2023 và cũng cao hơn 8,84% so với kế hoạch 2024 đã đề ra.

4. Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Tờ trình số 03/2024/TTr – HĐQT - VFS đã được ĐHCĐ thông qua. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao, phụ cấp cả năm 2024
1	Bà Nghiêm Phương Nhi	Chủ tịch HĐQT	90.681.818
2.	Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm 20/04/2024)	20.454.547
3.	Ông Trần Anh Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	67.222.224
4.	Ông Hoàng Thế Hưng	Thành viên HĐQT	45.340.909
5.	Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên HĐQT độc lập	45.340.909
6.	Ông Nguyễn Xuân Điệp	Thành viên HĐQT độc lập	45.340.909
7.	Trịnh Thị Lan	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm 20/04/2024)	20.454.547
8.	Nguyễn Tài Vinh	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm 20/04/2024)	20.454.547
9.	Tạ Hải Hà	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm 20/04/2024)	20.454.547

5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

5.1. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên độc lập HĐQT tham gia trong Ủy ban kiểm toán (“UBKT”) của Công ty và phụ trách các vấn đề về quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, với nhiệm vụ chính như rà soát, tư vấn cho HĐQT các chính sách, hạn mức rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ; đánh giá mức độ tuân thủ, chuẩn mực kế toán, hiệu quả hoạt động quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ của toàn Công ty; báo cáo HĐQT về hoạt động và hiệu quả hoạt động của công tác

kiểm toán nội bộ đã thực hiện trong năm; đề xuất phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các thành viên độc lập đã trao đổi cùng bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ để nắm bắt tình hình thực tế về công tác quản trị rủi ro, tuân thủ tại Công ty. Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phân biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

Thành viên độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề đưa ra và các kiến nghị để phát triển hoạt động của Công ty.

5.2. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã ban hành 22 Nghị quyết, đảm bảo thời lượng họp theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các nghị quyết đã ban hành, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, định hướng hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành, Ủy ban kiểm toán thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành, có sự thống nhất cao của các thành viên. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền, phạm vi trách nhiệm, phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 20/04/2024 thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý, đồng thời thực hiện miễn nhiệm chức vụ của toàn bộ thành viên Ban Kiểm soát và theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2024/NQ/VFS-HĐQT ngày 20/04/2024 bổ nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm 2024, Ủy ban Kiểm toán đã hoạt động trên tinh thần độc lập, khách quan, trung thực nhằm mục đích tối thiểu hóa thiệt hại cho VFS và khách hàng, đảm bảo quá trình hoạt động của công ty được diễn ra thông suốt, liên tục, an toàn, chính xác, hiệu quả, tăng cường khả năng đạt được các mục tiêu đã hoạch định.

7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác cho thấy Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện công việc trong quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, và theo các văn bản Pháp luật liên quan.

8. Giao dịch với các bên liên quan

- ❖ Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo phụ lục 01 đính kèm
- ❖ Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty theo phụ lục 02 đính kèm.

9. Tổng kết các công tác của HĐQT trong năm 2024

a. Kết quả đạt được:

Trong năm 2024, HĐQT đã có định hướng và chỉ đạo sát sao giúp VFS đạt được một số kết quả đáng ghi nhận:

- ❖ Kiện toàn bộ máy tổ chức: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 20/04/2024 thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý, Hội đồng Quản trị đã nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2024/NQ/VFS-HĐQT ngày 20/04/2024 bổ nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty. Việc thay đổi này giúp nâng cao vai trò trách nhiệm và sự chủ động của HĐQT, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro đồng thời áp dụng các chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất trên thế giới
- ❖ Cùng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị:

Năm 2024, Hội đồng Quản trị tập trung công tác hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty thông qua:

- Rà soát hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của công ty. Thông qua đó, các yêu cầu về xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh được đặt ra với Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao công tác quản trị, kiểm soát rủi ro.
- Ban hành hệ thống Phân quyền của HĐQT và thông qua việc thành lập 2 hội đồng trực thuộc gồm Hội đồng Đầu tư và Nguồn vốn; Hội đồng Mua sắm và Chi Phí. Theo đó, các hoạt động kinh doanh cốt lõi như đầu tư tự doanh, cho vay Giao dịch Ký quỹ... của Ban Tổng Giám đốc có sự đồng hành, hỗ trợ sát sao của các thành viên

HDQT thuộc Hội đồng Đầu tư và Nguồn vốn; các hoạt động phát sinh chi phí được giám sát, đảm bảo tính hiệu quả cùng sự tham vấn, cho ý kiến của các thành viên HDQT thuộc Hội đồng Mua sắm và Chi Phí.

- Áp dụng giải pháp công nghệ số hóa trong hoạt động hồ sơ, giấy tờ...chuyển từ hình thức truyền thống sang dạng dữ liệu trên máy tính và các thiết bị lưu trữ hiện đại
- ❖ Bước đầu thực hiện định hướng nhiệm kỳ 2024-2029 đã báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2024 trong công tác phát triển hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh.
- ❖ Duy trì hoạt động kinh doanh đảm bảo kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2024 đề ra trong bối cảnh chưa hoàn thành việc tăng quy mô vốn điều lệ cũng như khó khăn chung của thị trường kinh tế - thị trường chứng khoán

b. Các công tác chưa hoàn thành theo nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua

Trong năm 2024, HDQT đã nỗ lực trong các công tác kiện toàn bộ máy, củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị cũng như đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt kế hoạch như nêu trên. Tuy nhiên, trong số các công tác được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 20/04/2024, đến ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, HDQT còn chưa hoàn thành các công việc sau, bao gồm:

- ❖ Thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- ❖ Triển khai các nghiệp vụ liên quan đến thị trường phái sinh.

HDQT xin báo cáo hiện trạng các công tác này đến ĐHĐCĐ, cụ thể:

- ❖ Đối với việc thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:
 - Ngày 23/5/2024: Ngay sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HDQT đã thông qua Nghị quyết số 05/2024/NQ/VFS-HDQT về việc thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.
 - Ngày 29/11/2024, HDQT đã thông qua Nghị quyết số 17/2024/NQ/VFS-HDQT về tiêu chí nhà đầu tư được lựa chọn mua cổ phần còn lại chưa phân phối của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN - Công văn số 6800/UBCK-QLKD ngày 10/10/2024 về việc hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
 - Ngày 18/02/2025, HDQT đã thông qua Nghị quyết số 08/2025/NQ/VFS-HDQT về việc điều chỉnh việc triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ

đồng hiện hữu và phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Theo đó, Công ty tiếp tục nộp hồ sơ về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 trước Phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông sớm nhất.

❖ Đối với việc triển khai các nghiệp vụ liên quan đến thị trường phái sinh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (“Công ty”) năm 2023 và năm 2024 đã thông qua việc triển khai các nghiệp vụ liên quan đến thị trường chứng khoán phái sinh. Trong năm 2023 và năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã chỉ đạo triển khai, hoàn thiện các điều kiện cần thiết và Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ xin cấp phép Hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh và Hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hiện tại, hồ sơ vẫn đang trong quá trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thẩm định và phê duyệt.

II. Đề xuất Định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2025

1. Định hướng hoạt động chung nhiệm kỳ 2024-2029 đã báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

a. *Kiến tạo toàn bộ máy quản trị*

b. *Tập trung phát triển hệ thống công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh.*

c. *Đa dạng sản phẩm, Tập trung đầu tư an toàn và bền vững*

2. Cơ sở định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025:

a. *Triển vọng kinh tế 2025: Vĩ mô Việt Nam: Kinh tế dự báo*

- Dự báo tăng trưởng GDP sẽ ở mức cao từ 6,5% - 7% đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của lĩnh vực thương mại, cũng như khu vực sản xuất và thu hút đầu tư nước ngoài, Trong kịch bản tích cực hơn, tình hình kinh tế thế giới ổn định hơn, mức tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt 7% - 7,5%. Lạm phát vẫn ổn định quanh mức 4% - 4,5%.

- Kỳ vọng những văn bản, bộ luật được sửa đổi trong năm 2024 bao gồm Luật TCTD, luật Đất đai, luật Nhà ở... sẽ dần có tác dụng giúp tháo gỡ những vướng mắc cho thị trường bất động sản và thị trường tài chính. Từ đó có thể khơi thông dòng vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng là động lực để tăng trưởng kinh tế.

- Xuất nhập khẩu dự kiến tăng trưởng 15% - 17% so với 2024, thu hút và giải ngân vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng trưởng 13% - 15%, nhờ vào hoạt động ngoại giao được đẩy

manh, đường lối ngoại giao mềm dẻo, hài hòa và sự hồi phục của các đối tác lớn của Việt Nam. Rủi ro từ những bất ổn thế giới vẫn đang là rủi ro lớn nhất đối với Việt Nam.

b. Dự báo thị trường chứng khoán 2025

- ❖ Kỳ vọng thị trường cải thiện hơn về giá và thanh khoản trong 2025.

Cụ thể, VN-Index được kỳ vọng sẽ dao động trong biên độ 1.260 - 1.400 và thanh khoản đạt mức 20.500 tỷ/phiên (tăng 20% so với 2024). Động lực tăng trưởng của VN-Index dựa trên những yếu tố sau: (1) Định giá thị trường vẫn đang ở mức hợp lý với PE forward 2024 đạt 14.2x, thấp hơn 14% so với mức trung bình PE 10 năm của VN-Index là 16.6x; (2) Thanh khoản thị trường dự báo tiếp tục cải thiện trong năm 2025 nhờ nền lãi suất thấp. Động thái giảm lãi suất từ các nền kinh tế lớn giúp áp lực tỷ giá được giải tỏa cùng mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức cao nhằm hỗ trợ nền kinh tế là động lực để NHNN duy trì nền lãi suất huy động thấp, qua đó giúp thu hút thêm dòng tiền tham gia vào TTCK khi kênh tiền gửi không đem lại lợi nhuận đủ hấp dẫn. Từ đó tác động tích cực đến toàn bộ HĐKD của nhóm ngành chứng khoán trong năm 2025. Dự phóng KQKD toàn ngành chứng khoán năm 2024 đạt 40,68 nghìn tỷ (+4,66% yoy) doanh thu và 11,73 nghìn tỷ (+10% yoy); năm 2025 đạt 43,12 nghìn tỷ (+6% yoy) doanh thu và 13,49 nghìn tỷ (+15% yoy).

- ❖ Quy định mới về non-prefunding trong Thông tư 68/2024 có tác động tích cực đến quá trình nâng hạng thị trường.
- Trong ngắn hạn, việc áp dụng No-prefunding sẽ giúp tăng vòng quay giao dịch và tính linh động trong hoạt động đầu tư của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Tuy nhiên, theo thống kê, đóng góp phí của giao dịch khối ngoại chỉ đạt hơn 2% vào tổng lợi nhuận của CTCK, do đó tác động của no-prefunding đến lợi nhuận trong ngắn hạn là không đáng kể. Về dài hạn, việc áp dụng No-prefunding giúp chứng khoán Việt Nam tiến thêm 1 bước quan trọng trong việc xem xét nâng hạng thị trường của FTSE Russell, thỏa mãn 2 điều kiện còn thiếu là chuyển giao đối ứng thanh toán và xử lý các giao dịch thất bại. Nâng hạng thị trường sẽ giúp thu hút thêm dòng vốn ngoại đến với thị trường Việt Nam do danh mục của các quỹ đầu tư toàn cầu được tái phân bổ tỷ trọng cao hơn sang Việt Nam sau khi được nâng cấp.
- Việc kỳ vọng KRX được đưa vào vận hành trong năm 2025 cũng sẽ là một yếu tố hỗ trợ cải thiện thanh khoản của thị trường. Hệ thống KRX được kỳ vọng sẽ rút ngắn thời gian thanh toán một cách đáng kể, từ T+1,5 với hệ thống hiện tại về T+0, đồng nghĩa với việc cho phép nhà đầu tư thực hiện giao dịch trong ngày. Cho phép nhà đầu tư dễ dàng hơn trong việc luân chuyển dòng tiền giữa thị trường phái sinh và thị trường cơ sở.
- ❖ Màng cho vay ký quỹ vẫn là động lực tăng trưởng chính

Mảng môi giới tiếp tục gặp khó khăn bởi việc cạnh tranh cao và thanh khoản giao dịch ở mức thấp, bên cạnh đó lợi nhuận mảng tự doanh chững lại trước bối cảnh VN-Index chưa bứt phá khỏi mốc 1.300. Theo thống kê, thời điểm 30/9, dư nợ cho vay ký quỹ ước tính vào khoảng 223.000 tỷ đồng, tăng 5.000 tỷ so với cuối quý 2 và cũng là con số cao nhất trong lịch sử. Tỷ lệ cho vay ký quỹ/VCSH tại ngày 30/9 ước đạt xấp xỉ 89%, vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức quy định của UBCK là 200%. Như vậy, có thể thấy rằng dư địa cho vay margin của các CTCK còn rất lớn. Với kỳ vọng VN-Index sẽ tăng điểm tích cực trong năm 2025 thì mảng cho vay margin sẽ hứa hẹn là mảng kinh doanh trọng yếu của CTCK.

c. Xu hướng lãi suất

- Lạm phát toàn cầu hạ nhiệt tạo tiền đề cho các nước hạ lãi suất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong 2024, các NHTW lớn như NHTW châu Âu (ECB) đã hai lần hạ lãi suất (mỗi lần 0,25 điểm % vào tháng 6 và tháng 9). Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 18/9 cũng đã hạ 0,5 điểm %. Mới đây NHTW Trung Quốc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0,5 điểm %; hạ lãi suất 0,2-0,3 điểm %, là chính sách thúc đẩy kinh tế của Trung Quốc được cho là mạnh tay nhất trong nhiều năm trở lại đây. Dự kiến lãi suất có thể sẽ tiếp tục được nới lỏng trong 2025 khi sức khỏe kinh tế chưa thực sự khởi sắc và vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn.
- NHNN tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Việc các nền kinh tế lớn nới lỏng tạo dư địa cho NHNN điều hành chính sách tiền tệ, ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể sẽ duy trì mức lãi suất ổn định, hoặc thậm chí có thể giảm nhẹ để thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng. Nếu lạm phát trong nước được kiểm soát tốt, cơ hội hạ lãi suất có thể cao hơn, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng.

d. Các rủi ro tiềm ẩn:

Kinh tế thế giới đối mặt với những rủi ro mới bao gồm xung đột chính trị leo thang tại khu vực Trung Đông, Triều Tiên - Hàn Quốc,... và những thay đổi trong chính sách thương mại, các cuộc chiến thương mại theo chiều hướng căng thẳng hơn như cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung ... có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu, gây ra những rủi ro lên an ninh năng lượng, lương thực.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Trên cơ sở những nhận định trên, HĐQT định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025 như sau:

a) **Đẩy mạnh việc mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua:**

- Tăng quy mô vốn điều lệ với tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ tăng thêm 1.200 tỷ, dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Nguồn vốn thu được sẽ được phân bổ hai hoạt động chính gồm cho vay ký quỹ và tự doanh.

- Mở rộng quy mô nhận sự: tiếp tục xây dựng hệ thống nhân sự có nghiệp vụ chuyên sâu, mở rộng và phát triển triển mạng lưới môi giới và tư vấn đầu tư, mở thêm phòng giao dịch.
 - Phát triển đa dạng sản phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung xây dựng các sản phẩm tài chính mới kết hợp với các công ty tài chính, tổ chức tín dụng.
 - Hoàn thiện sản phẩm giao dịch cơ bản: phái sinh, Trái phiếu riêng lẻ. Đẩy mạnh các sản phẩm thu hút Nhà đầu tư cá nhân, chính sách lãi/phí ưu đãi đúng diễn biến thị trường. Tiến hành xin cấp phép kinh doanh chứng khoán phái sinh: nhằm đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính.
- b) Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới và hỗ trợ mô hình kinh doanh: Đầu tư ứng dụng công nghệ nhằm tăng trải nghiệm người dùng, thúc đẩy hỗ trợ kinh doanh; Hoàn thiện công nghệ trong các nghiệp vụ được phép kinh doanh: Giao dịch chứng khoán phái sinh, giao dịch trái phiếu riêng lẻ; Hoàn thiện các chứng năng pháp lý bắt buộc: ID check; nghiên cứu tích hợp và đưa vào hệ thống các ứng dụng, liên kết phù hợp.
- c) Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản trị và điều hành: Sắp xếp, hoàn thiện đầy đủ bộ máy các cấp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.
- d) Nâng cao công tác kiểm soát, quản trị rủi ro hướng tới hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các bên liên quan
- e) Xây dựng, phát triển thương hiệu VFS đồng thời đẩy mạnh hoạt động Marketing giúp tăng nhận diện bằng SEO, các chương trình quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội.

Trên đây là toàn văn báo cáo của HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

PHỤ LỤC 01: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Trần Anh Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, TGD, người đại diện theo pháp luật, người phụ trách quản trị công ty, cổ đông lớn	Năm 2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 160.236.671 VND
2	Trịnh Thị Lan	Phó TGD (đã miễn nhiệm vị trí TV HĐQT kể từ 20/04/2024)	Năm 2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 2.065.680 VND
3	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc CN Hà Nội, người được ủy quyền công bố thông tin	Năm 2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 870.000 VND
4	Trương Văn Tiến	Thành viên BKS (đã miễn nhiệm vị trí TV BKS kể từ 20/04/2024)	01/01/2024-20/04/2024		Phí giao dịch chứng khoán: 5.948.706 Thu phí giao dịch chứng khoán: 6.008.031 VND



5	Nguyễn Ngọc Hồng Phương	Chuyên viên KTNB	Năm 2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 312.494 VND
6	Trần Thị Lan Anh	Người có liên quan của ông Trần Anh Thắng - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, TGD, người đại diện theo pháp luật, người phụ trách quản trị công ty	Năm 2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 92.890 VND
7	Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber	Người có liên quan của Bà Nghiêm Phương Nhi - Chủ tịch HĐQT	20/04/2024-31/12/2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 19.997.993 VND
8	Nguyễn Văn Cảnh	Người có liên quan của bà Nghiêm Phương Nhi - Chủ tịch HĐQT	20/04/2024-31/12/2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 52.965.145 VND
9	Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hòa An	Người có liên quan của bà Nghiêm Phương Nhi - Chủ tịch HĐQT	20/04/2024-31/12/2024		Phí/thu phí giao dịch chứng khoán: 399.749.999 VND
10	Công ty Tài chính	Cổ đông lớn	Năm 2024		- Phí/thu phí giao dịch chứng khoán:

	Cổ phần Điện Lực				1.305.162.850 VND - Số dư tiền gửi có kỳ hạn: 30.000.000.000 VND - Số dư chứng chí tiền gửi: 900.000.000.000 VND
--	------------------------	--	--	--	---

T
Y
Á
N
H
O
Á
I
E
T
S
C

PHỤ LỤC 02: Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Trần Anh Thắng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, TGD, người đại diện theo pháp luật, người phụ trách quản trị công ty	15.613.000	13,01	8.000.000	6,67	Bán
2	Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hòa An	Người có liên quan của bà Nghiêm Phương Nhi - Chủ tịch HĐQT	0	0	20.500.000	17,08	Mua
3	Ông Trương Văn Tiến	Thành viên BKS – người nội bộ (đã miễn nhiệm từ 20/04/2024)	9.000	0,0075			Bán 4.500 cổ phiếu trong thời gian là người nội bộ. (Không còn là người nội bộ từ 20/04/2024), không theo dõi CP nắm giữ cuối kỳ



Số: QA/2025/BC-UBKT-VFS

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2024
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”) và thành viên Hội đồng quản trị (“HDQT”) độc lập trong UBKT của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (“VFS”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thường niên năm 2025 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của VFS năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong năm 2024

1. Công tác tổ chức

Tại ĐHĐCD thường niên năm 2024, ĐHĐCD đã thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý của VFS theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp 2020. Theo đó, mô hình tổ chức quản lý của VFS bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán (trực thuộc Hội đồng quản trị), Tổng giám đốc.

Thành phần và cơ cấu của Ủy ban Kiểm toán gồm 02 thành viên:

STT	Thành viên UBKT	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT
1	Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên HDQT độc lập/ Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ ngày 20/04/2024
2	Ông Nguyễn Xuân Điệp	Thành viên HDQT độc lập/ Thành viên UBKT	Bắt đầu từ ngày 20/04/2024

2. Cơ chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Thành viên HĐQT độc lập đồng thời là thành viên UBKT hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các quy định có liên quan.

3. Các cuộc họp và các kiến nghị của Ủy ban kiểm toán

Trong năm 2024, UBKT đã thực hiện 08 cuộc họp, các nội dung chính đã triển khai tại các cuộc họp như sau:

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Lan	08/08	100%	100%
2	Ông Nguyễn Xuân Điệp	08/08	100%	100%

- Rà soát, đánh giá và đưa kiến nghị về hoạt động kiểm soát nội bộ, hoạt động quản trị rủi ro nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty;
- Đóng góp ý kiến về Hệ thống phân quyền của HĐQT; Quy định hoạt động của Hội đồng Đầu tư và Nguồn vốn, Hội đồng mua sắm và Chi phí; Chính sách quản trị rủi ro;
- Thẩm tra mẫu báo cáo quản trị công ty;
- Đề xuất cơ cấu, nhân sự phòng Kiểm toán nội bộ;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tài chính quý và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024 và tại ngày 31/12/2024.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán năm 2024

Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ủy ban kiểm toán nhận thù lao theo một chức danh là thành viên HĐQT. Thù lao thành viên HĐQT đã được trình bày tại *Tờ trình V/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025*. Ngoài ra, trong năm 2024, UBKT không phát sinh chi phí hoạt động.

II. Kết quả hoạt động năm 2024

1. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty

Ủy ban kiểm toán đã xem xét Báo cáo tài chính các quý, cả năm 2024 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 trên cơ sở báo cáo do Công ty lập và báo cáo đã được Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành; phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty. Không phát hiện các sai sót trọng yếu hoặc rủi ro gian lận trên Báo cáo tài chính.

Đánh giá về đơn vị kiểm toán độc lập: Chất lượng công việc kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là khách quan, độc lập. Ủy ban kiểm toán thống nhất với ý kiến và kết quả kiểm toán của AASCS với nội dung như sau: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

(đơn vị: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024			
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt kế hoạch	Tỷ lệ tăng trưởng so với 2023
Tổng doanh thu	244.523	281.577	293.671	104,30%	20,10%
Tổng chi phí	137.368	126.411	137.583	108,84%	0,16%
Lợi nhuận trước thuế	107.155	155.167	156.088	100,59%	45,67%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024)

Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ theo quy định của pháp luật. Cụ thể, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty tại ngày 31/12/2024 đạt 433% (mức quy định tối thiểu là 180%).

2. Kết quả giám sát tính tuân thủ

Hoạt động của Công ty trong năm 2024 tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, đồng thời là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

a) Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó.

Các giao dịch đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 lập ngày 23/01/2025. Nội dung các giao dịch chủ yếu về cung cấp dịch vụ chứng khoán và thu phí giao dịch. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty.

b) Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không phát sinh.

4. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty

Công ty xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình 3 tuyến phòng vệ. Công ty đã ban hành đầy đủ các chính sách, quy trình hoạt động cho hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ.

Hoạt động kiểm soát nội bộ theo 03 tuyến phòng vệ được vận hành hiệu quả, toàn diện trên các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2024, Phòng kiểm soát nội bộ và phòng Quản trị rủi ro đã thực hiện kiểm soát tuân thủ và quản lý rủi ro đầy đủ các nghiệp vụ, đặc biệt với nghiệp vụ cho vay ký quỹ.

Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán theo đúng kế hoạch đã đề ra đồng thời rà soát các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và kiểm toán các báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp và tuân thủ quy định về kế toán, quy định pháp luật khác liên quan. Kết quả cho thấy Báo cáo tài chính được lập, kiểm toán và công bố đầy đủ, minh bạch.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty

a) Đối với Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã ban hành 22 Nghị quyết, đảm bảo thời lượng họp theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các nghị quyết đã ban hành, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, định hướng

hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành, Ủy ban kiểm toán thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành, có sự thống nhất cao của các thành viên. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền, phạm vi trách nhiệm, phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

Ban điều hành Công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt chủ trương, quyết định do HĐQT ban hành, mang lại hiệu quả kinh doanh và giữ vững mục tiêu phát triển của Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, Ban điều hành đã đưa ra các giải pháp và đề xuất kiến nghị với Hội đồng quản trị về các vấn đề phát sinh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và kiểm soát rủi ro một cách tốt nhất.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông.

Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát của mình từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bộ phận chuyên môn của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin, báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ủy ban kiểm toán

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty, thực hiện nghị quyết của ĐHDCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT, các hoạt động điều hành kinh doanh của Ban điều hành;
- Cùng với Ban điều hành rà soát hệ thống các văn bản nội bộ, tiến hành hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy kiểm toán nội bộ; từng bước xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình 3 tuyến phòng vệ, nâng cao chất lượng quản trị để đảm bảo phát triển bền vững;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính bán niên và năm tài chính 2025;
- Giám sát phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán các hoạt động kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty năm 2025;
- Thực hiện các công việc khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của UBKT và các thành viên HĐQT độc lập trong UBKT năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- HĐQT; UBKT; BTGD;
- Lưu VT.

**T.M ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THỊ LAN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

NỘI DUNG

- 01 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024
- 02 HOẠT ĐỘNG CỦA VFS NĂM 2024
- 03 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025



The image features a magnifying glass with a black handle and a gold-colored rim, positioned over a digital screen. The screen displays a bar chart with blue bars of varying heights. The background is a blurred digital interface with various charts and data points. The overall color palette is dominated by blue and gold tones, creating a professional and analytical atmosphere.

01

THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN
NĂM 2024

CÁC GIAI ĐOẠN BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2024

Năm 2024 VN-Index liên tục thất bại trong việc bứt phá ngưỡng 1.300 điểm.

GĐ1 (11/2023 – 03/2024)

Tiếp tục xu hướng tăng từ cuối năm 2023

VN-Index đã tăng mạnh 14% trong đầu năm 2024, đạt mức 1.290 điểm. FED chính thức dừng tăng lãi suất và đưa ra kế hoạch hạ dần trong năm 2025 là điểm nhấn giúp thị trường hồi phục trở lại. Cùng với đó sự nỗ lực đến từ nền kinh tế trong nước và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết. Mặc dù vậy, áp lực bán đã dần xuất hiện, tỷ giá bắt đầu là mối lo ngại của nhà đầu tư.

GĐ2 (04/2024 – 12/2024)

Dao động khung quanh 1.180 - 1.300 điểm

Thị trường duy trì trạng thái tích lũy chờ cơ hội khi mà động lực để bứt phá vùng 1.300 điểm không có nhiều. Đặc biệt, áp lực bán ròng từ khối ngoại ngày càng tăng cao khiến cho thanh khoản thị trường chung yếu dần (NĐT nước ngoài bán ròng hơn 90 nghìn tỷ trong năm 2024, gấp 3,7 lần so với 2023). Tuy nhiên, lực cầu của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước đã giúp cho thị trường không để mất vùng hỗ trợ 1.180 – 1.200 điểm. Các biến động trong vùng đỉnh và đáy trong khung chủ yếu bị tác động bởi sự biến động về tỷ giá và nỗ lực ổn định thị trường tài chính của nhà điều hành.

VN-Index

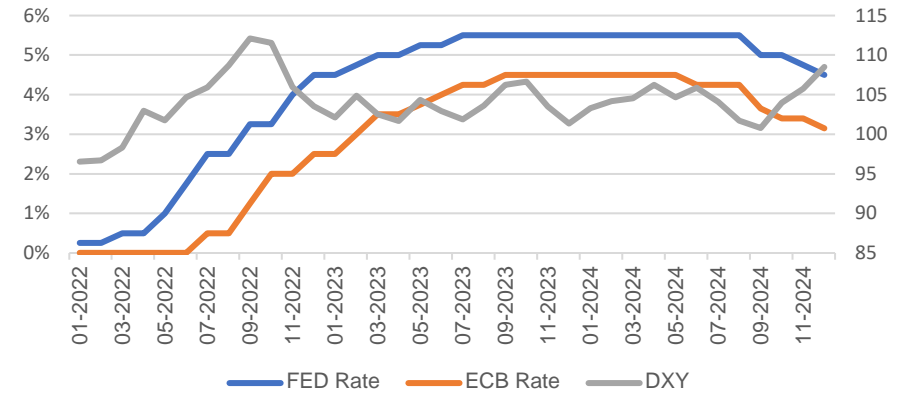


TTCK 2024 TRỜI SỤT THEO DIỄN BIẾN TỶ GIÁ

Thế giới phân cực, kinh tế Mỹ duy trì vị thế, DXY tăng mạnh

- Nền kinh tế Mỹ duy trì sức mạnh trong khi kinh tế châu Âu suy yếu rõ rệt. Thêm vào đó, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục hồi phục chậm.
- => Sức mạnh đồng USD gia tăng gây áp lực lên tỷ giá. Đồng thời, điều này cũng khiến dòng tiền đầu tư của khối ngoại có xu hướng rút ròng khỏi các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam.

Diễn biến lãi suất điều hành tại Mỹ, Châu Âu và DXY



Kinh tế Việt Nam vững vàng trước biến động vĩ mô thế giới

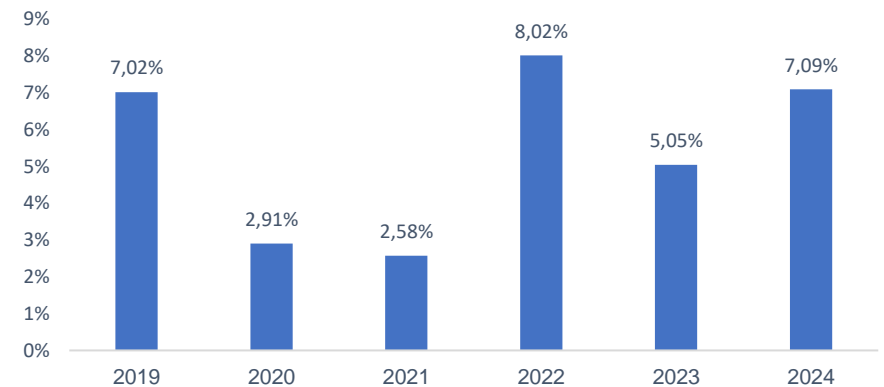
“
Tăng trưởng kinh tế Việt Nam duy trì đà hồi phục trước thách thức từ vĩ mô thế giới
 ”

7% GDP năm 2024 vượt kế hoạch 6,5% và vượt trội so với mức trung bình 3,2% của thế giới

Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát dưới mức mục tiêu **4,5%**

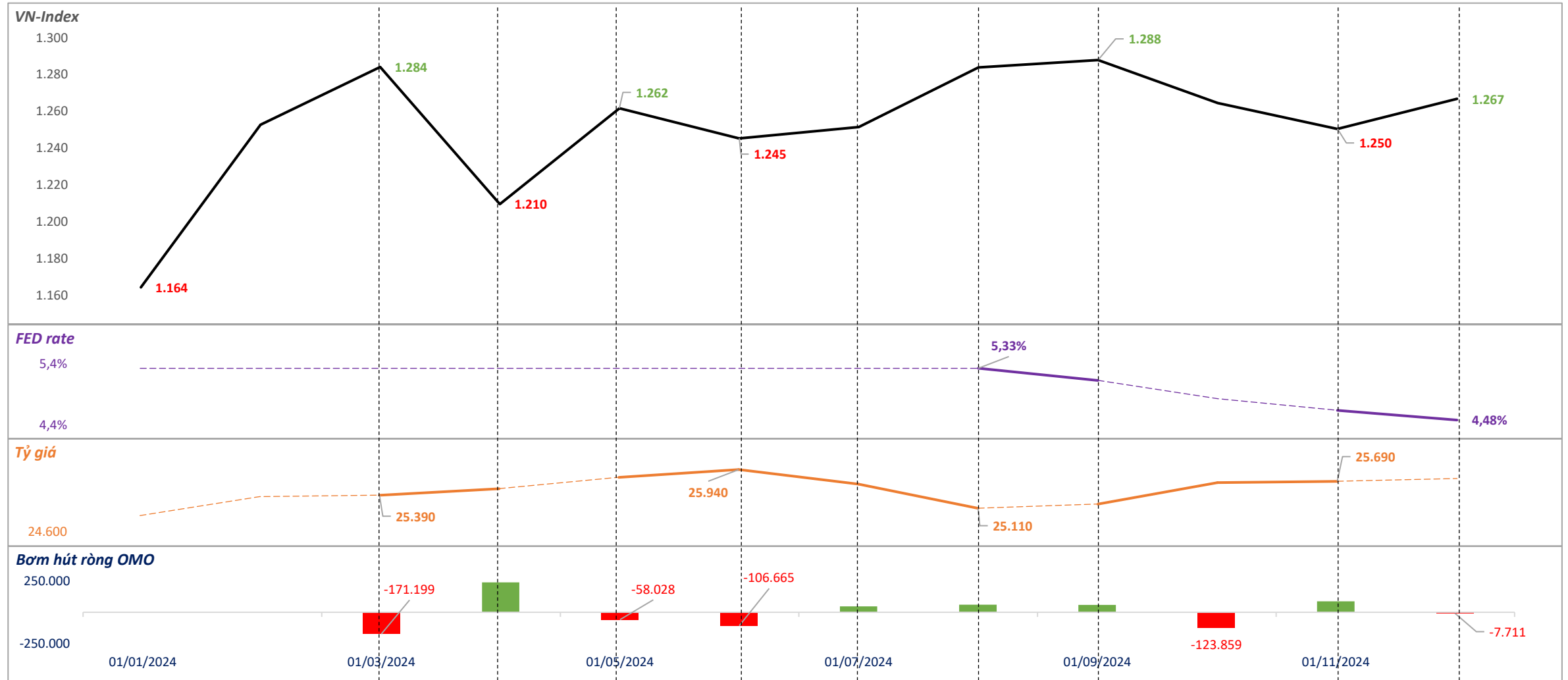
=> Nền kinh tế duy trì sự ổn định là tiền đề để NHNN và Chính phủ đối phó với các vấn đề từ vĩ mô thế giới, đặc biệt là tỷ giá tăng cao, với các chính sách linh hoạt như bơm hút tiền trên thị trường OMO hay bán ngoại tệ. Việc dòng tiền không được duy trì ổn định phần nào gây ra tâm lý thận trọng đối với nhà đầu tư trong nước.

Tăng trưởng GDP theo năm giai đoạn 2019 - 2024



BIẾN ĐỘNG CỦA VN-INDEX QUA CÁC SỰ KIỆN TÀI CHÍNH

Áp lực tỷ giá và nỗ lực ổn định thị trường tài chính của chính phủ tác động lên toàn bộ thị trường

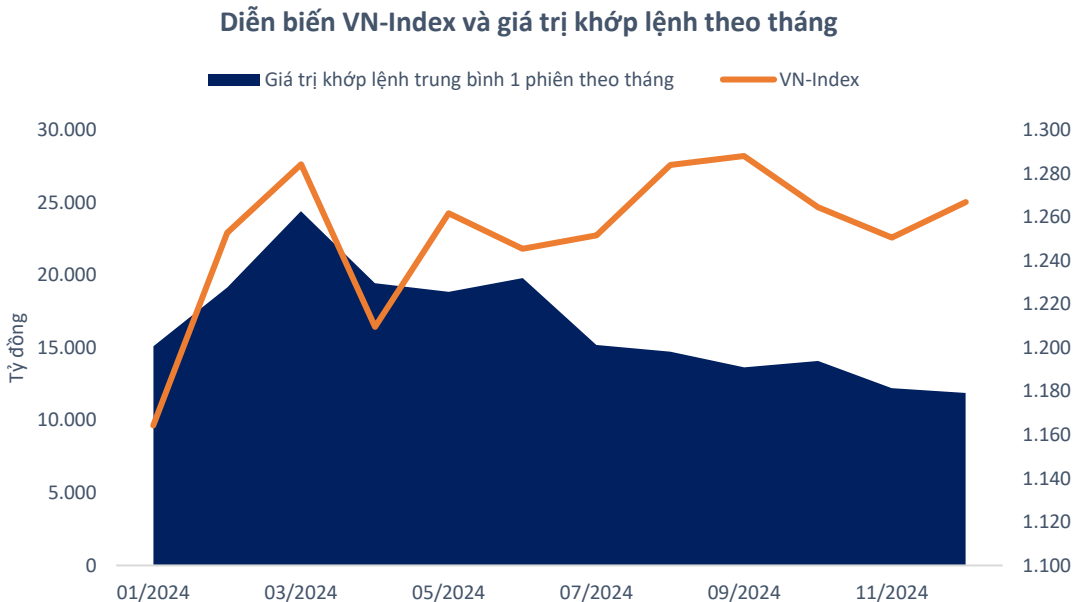


Nguồn: FiinPro, VFS tổng hợp

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÀNH CHỨNG KHOÁN

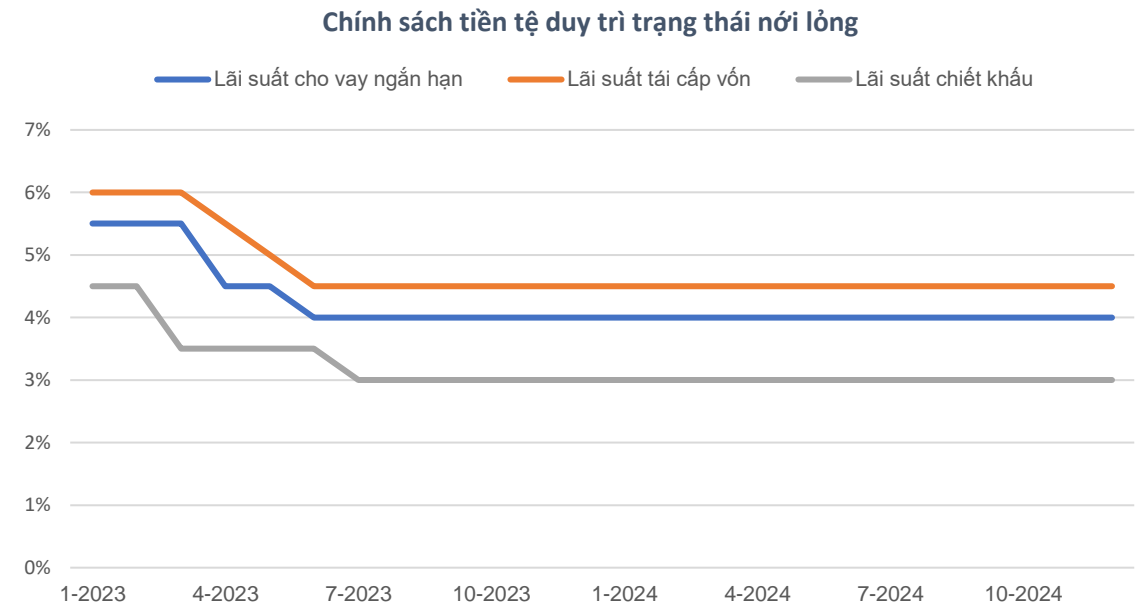
Thanh khoản thị trường suy giảm dần trong cả năm sau khi có một đợt tăng mạnh lên mức mức 24 nghìn tỷ 1 phiên trong tháng 3 cùng với đà tăng của VN-Index. Đến tháng 12, giá trị khớp lệnh trung bình phiên chỉ còn gần 12 nghìn tỷ/phiên (giảm 50% so với tháng 3). Dòng tiền liên tục bị rút ra khỏi thị trường chứng khoán trước bất ổn vĩ mô thế giới cũng như do sự hấp dẫn của các thị trường đầu tư khác như vàng, tiền ảo,...

=> Việc thanh khoản sụt giảm dần trong phần lớn năm 2024 tác động mạnh đến doanh thu và lợi nhuận của mảng môi giới, và tự doanh cổ phiếu



Mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp: NHNN với mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng tín dụng trong năm 2024, đã quyết định duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp kể giữa năm 2023 cho đến nay.

Sự cạnh tranh trong ngành: Cuộc đua tăng vốn ngày càng trở nên quyết liệt với mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ và đón đầu kế hoạch nâng hạng của TTCK. Năm 2024 chứng kiến nhiều công ty tăng vốn thần tốc như LPBS (+1.455% yoy), TCBS (+ 801% yoy), VIX (+118% yoy). Ngoài ra, với mặt bằng lãi suất cho vay thấp, nhiều CTCK cũng chủ động hạ lãi suất cho vay margin nhằm thu hút khách hàng và mở rộng được dự nợ cho vay, tạo ra sự cạnh tranh về lãi suất cho vay margin trên thị trường.

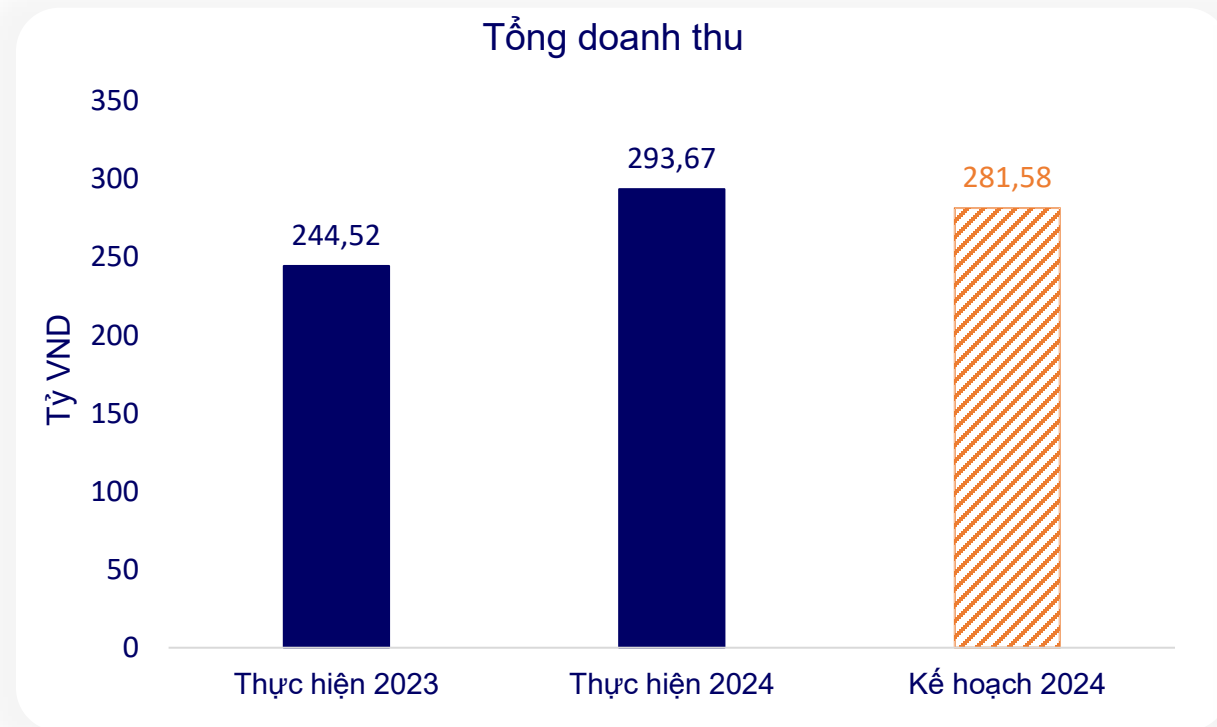




02

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA VFS NĂM 2024

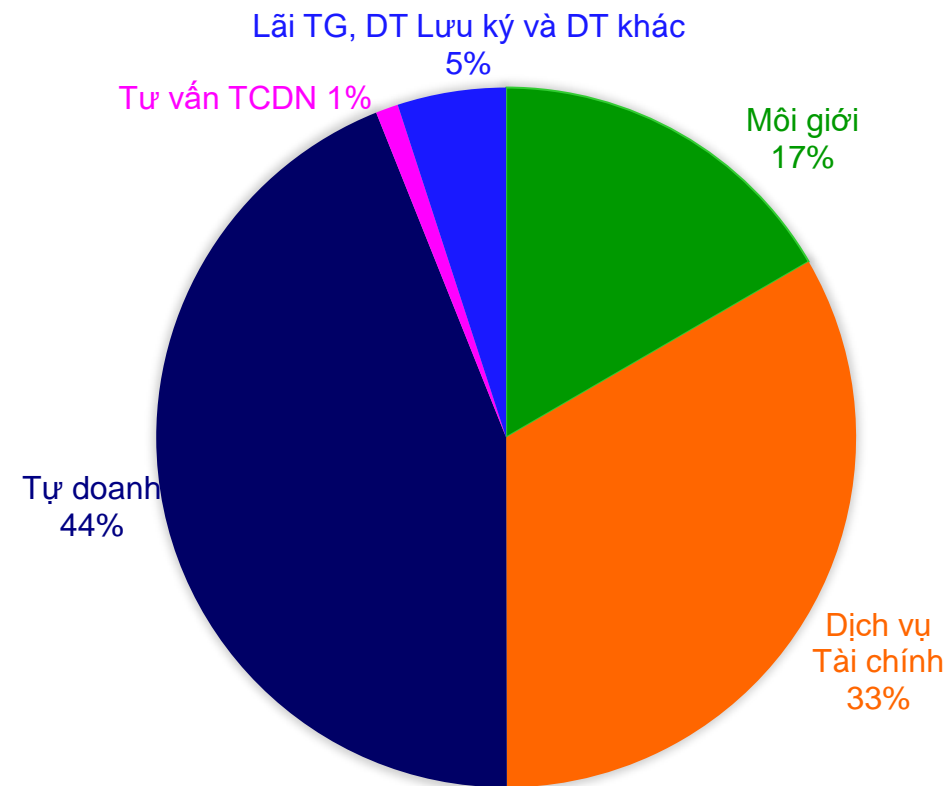
DOANH THU NĂM 2024: TĂNG TRƯỞNG VƯỢT KẾ HOẠCH



Doanh thu vượt kế hoạch

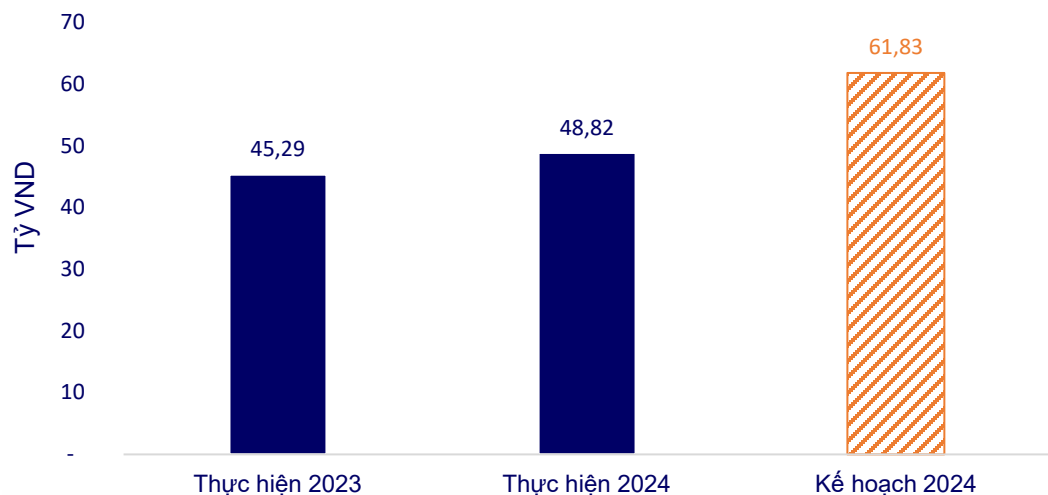
- Năm 2024 tổng doanh thu đạt 293,67 tỷ đồng, tăng 20,1% so với 2023 và hoàn thành 104% so với kế hoạch. Trong đó, Doanh thu tự doanh đạt 129,14 tỷ đồng, chiếm 44%; Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 96,64 tỷ đồng, chiếm 33%; Doanh thu dịch vụ môi giới đạt 48,82 tỷ đồng, chiếm 17%. Doanh thu lãi tiền gửi, lưu ký và doanh thu khác đạt 14,73 tỷ đồng, chiếm 5%; Doanh thu dịch vụ Tư vấn tài chính đạt 3,06 tỷ đồng, chiếm hơn 1%.

CƠ CẤU DOANH THU CÁC MẢNG DỊCH VỤ NĂM 2024

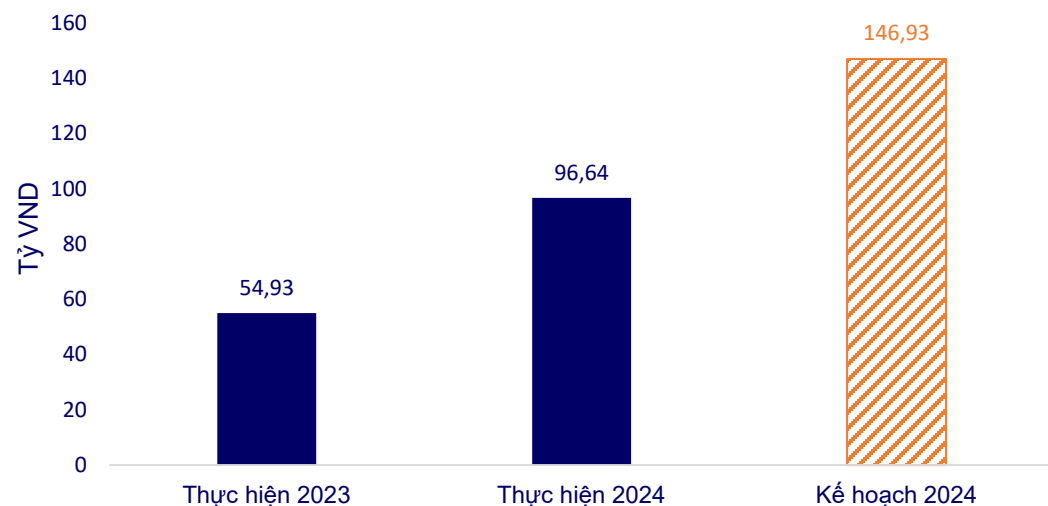


CƠ CẤU DOANH THU

Doanh thu Môi giới



Doanh thu dịch vụ tài chính



Hoạt động môi giới vượt qua khó khăn, duy trì đà tăng trưởng tích cực

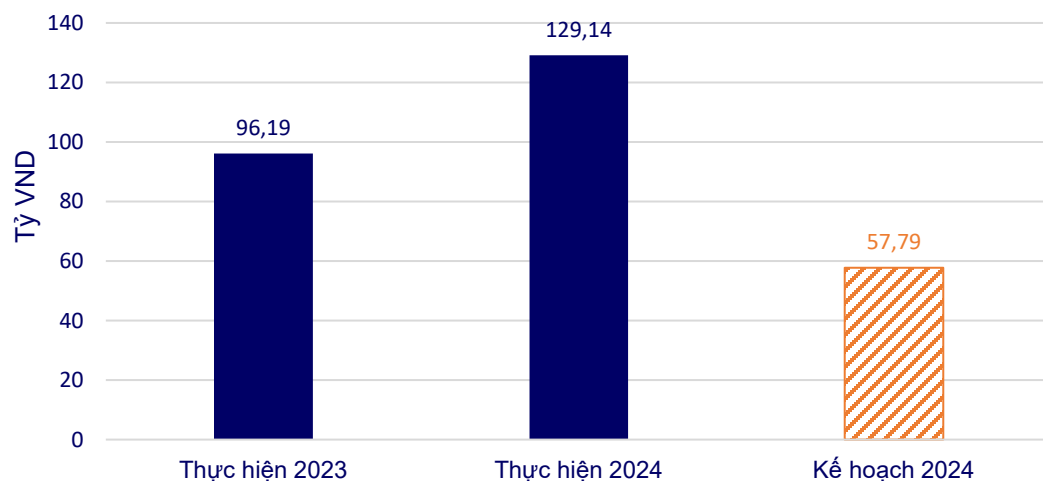
- **Doanh thu môi giới đạt 48,82 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2023 và hoàn thành 79% kế hoạch kinh doanh năm 2024.**
 - Năm 2024, trong bối cảnh thanh khoản thị trường sụt giảm đi kèm với sự cạnh tranh từ các CTCK khác, hoạt động môi giới của VFS vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực. Doanh thu môi giới đạt 48,82 tỷ đồng, tăng 8% so với 2023.
 - Số lượng tài khoản mở mới năm 2024 tăng trưởng mạnh so với năm 2023. Tổng số tài khoản mở mới trong năm chiếm 21% tổng số tài khoản tại VFS và tăng 26% so với cuối 2023.
 - Trong năm, bên cạnh việc tuyển dụng bổ sung đội ngũ phát triển khách hàng, VFS cũng đã xây dựng và đưa vào triển khai các chương trình thuộc nhóm VFS Invest - Vừa vận với từng đối tượng KH (VFS-New; VFS-Grow; VFS-Pro; VFS-Margin+ và VFS-Expert), qua đó thúc đẩy tăng doanh số giao dịch và tăng trưởng doanh thu môi giới.

Doanh thu dịch vụ tài chính duy trì đà tăng

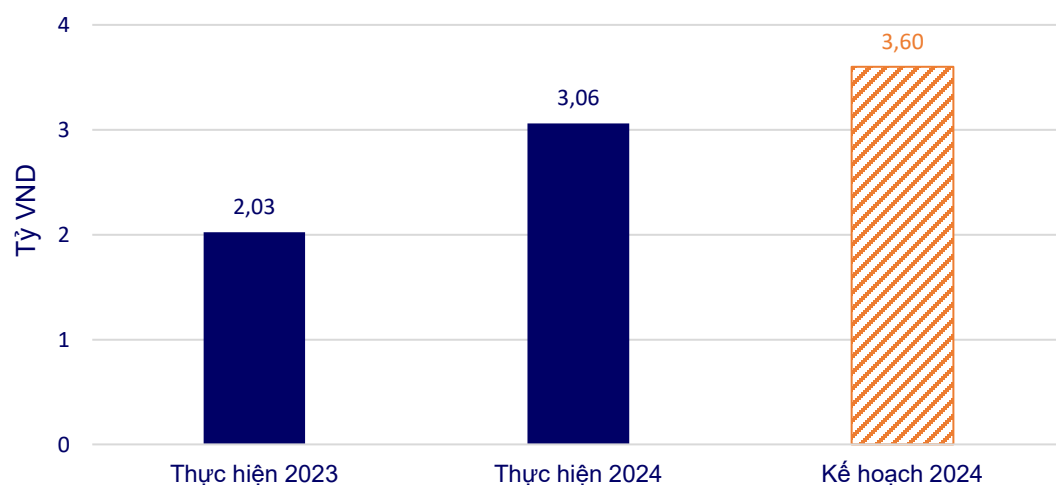
- **Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 96,64 tỷ đồng, tăng 76% so với 2023 và hoàn thành 66% kế hoạch năm.**
 - Giá trị giải ngân cho vay tại thời điểm cuối năm tăng gần 50% so với 2023 nhờ: (1) Nhu cầu sử dụng margin của khách hàng gia tăng; (2) VFS đẩy mạnh triển khai các chương trình thúc đẩy thuộc nhóm VFS Invest - Vừa vận với từng đối tượng KH, các chính sách ưu đãi về lãi suất, phí nhằm thu hút và khuyến khích khách hàng giao dịch.
 - Tuy nhiên, năm 2024, với (a) diễn biến thị trường không mấy sôi động, việc khối ngoại bán ròng cả năm kết hợp với thanh khoản thấp (b) kế hoạch tăng vốn chưa đạt khiến doanh số giao dịch và dư nợ margin không đạt kế hoạch.

CƠ CẤU DOANH THU

Doanh thu tự doanh



Doanh thu tư vấn



Doanh thu tự doanh tăng trưởng vượt trội, hoàn thành vượt kế hoạch cả năm

- **Doanh thu mảng tự doanh đạt 129,14 tỷ đồng, tăng 34% so với 2023 và đạt 223% kế hoạch đề ra.**

- Để hoàn thành kế hoạch SXKD, khi hai mảng cho vay và môi giới đang thấp hơn so với kỳ vọng, trong năm 2024, Ban lãnh đạo VFS đã chủ động linh hoạt chuyển hướng tập trung hơn vào mảng đầu tư. VFS chủ động cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả và chất lượng danh mục, duy trì tỷ trọng hợp lý từng nhóm tài sản trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.
- Doanh thu Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) chiếm đến hơn 60% tổng doanh thu mảng tự doanh nhờ dự báo chuẩn xác xu hướng và diễn biến lãi suất thị trường. VFS đã chủ động phân bổ vốn với tỷ trọng hợp lý vào các giấy tờ có giá tại các Ngân hàng uy tín để tăng hiệu quả đầu tư.

Doanh thu tư vấn doanh nghiệp chịu tác động từ các chính sách quản lý

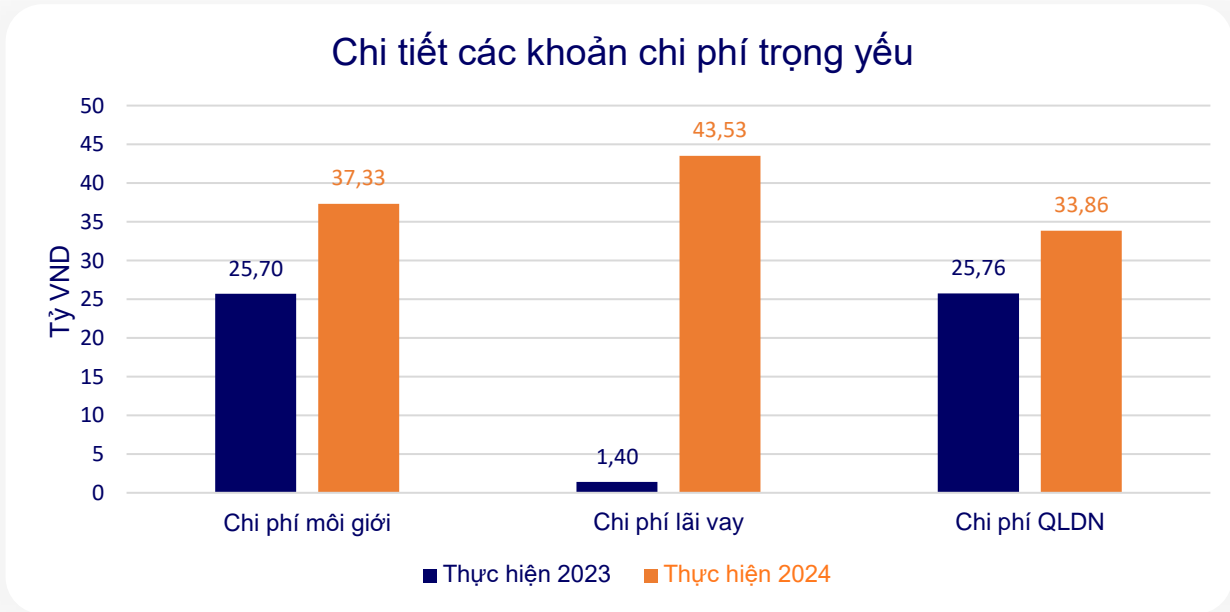
- **Doanh thu tư vấn doanh nghiệp đạt 3,06 tỷ đồng đạt 85% kế hoạch năm 2024, tăng 51% so với 2023.**

- Doanh thu tư vấn 2024 tăng 51% so với cùng kỳ, nhưng chỉ đạt 85% kế hoạch là do nhu cầu phát hành chứng khoán, huy động vốn hoặc niêm yết chưa thực sự sôi động trở lại.
- Bên cạnh đó, diễn biến thị trường không thuận lợi, hoạt động cấp phép phát hành giảm 20% so với giai đoạn 2019-2022; số lượng doanh nghiệp niêm yết & phát hành giảm so với năm trước (giảm gần 6% so với đầu năm), ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động tư vấn tài chính nói chung, trong đó có VFS.

TỔNG CHI PHÍ NĂM 2024

Tổng chi phí năm 2024 tăng tương ứng với quy mô doanh thu

Tổng chi phí của VFS năm 2024 là 137,58 tỷ đồng, tương đương mức chi phí năm 2023 và vượt 8,8% so với kế hoạch.



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2024	Tăng/Giảm so với 2023
Tổng doanh thu	244.523	281.577	293.671	104%	20%
- Môi giới	45.291	61.826	48.823	79%	8%
- Dịch vụ tài chính	54.933	146.932	96.637	66%	76%
- Tự doanh	96.187	57.790	129.141	223%	34%
- Tư vấn tài chính	2.025	3.600	3.062	85%	51%
- Lãi TGNH, lưu ký và DT khác	46.087	11.429	16.008	140%	-65%
Tổng chi phí	137.368	126.411	137.583	109%	0,2%
Lợi nhuận trước thuế	107.155	155.167	156.088	101%	46%
Lợi nhuận sau thuế	85.656	124.124	125.172	101%	46%

KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA VFS NĂM 2024

- Kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm nâng cao năng suất lao động theo hướng tinh gọn, tối ưu hiệu quả hoạt động, ra quyết định nhanh, đáp ứng mục tiêu kinh doanh trong giai đoạn tới.
- Trong năm 2024, VFS đã tích cực đẩy mạnh phát triển công nghệ, số hóa vận hành:
 - Tập trung triển khai dự án KRX đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý, sẵn sàng go-live;
 - Triển khai mới hệ thống Core Chứng khoán Phái sinh trên nền tảng Vgaia 2.0, sẵn sàng vận hành ngay sau khi được UBCKNN chấp thuận;
 - Đẩy mạnh triển khai số hóa giao dịch: mở tài khoản điện tử; ID Check định danh toàn bộ tài khoản khách hàng trên hệ thống; Nâng cấp hệ thống Front 2.0 từ hệ thống hiện tại Front 1.0; cải tiến chất lượng giao dịch trực tuyến, gia tăng tốc độ xử lý, đảm bảo các giao dịch của khách hàng được nhanh chóng và chính xác;
 - Triển khai và đưa vào vận hành hệ thống văn phòng điện tử, từng bước số hóa vận hành, giúp giảm thời gian xử lý công việc, nâng cao năng suất lao động,...
- Bên cạnh đó, VFS cũng tích cực triển khai tuân thủ các quy định pháp lý, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước như: tăng cường bảo mật thông tin, an toàn bảo mật hệ thống; triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện chuẩn hóa dữ liệu của nhà đầu tư cá nhân theo yêu cầu.
- Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được chú trọng. Chủ động nhận diện, phòng ngừa rủi ro theo hướng thận trọng. Thực hiện tốt vai trò tham mưu, giám sát toàn diện hoạt động kinh doanh, từ đó giảm thiểu rủi ro, đảm bảo các hoạt động kinh doanh tại VFS được kiểm soát, tuân thủ đúng quy định của cơ quan quản lý và các quy định nội bộ của VFS.
- Tích cực đẩy mạnh triển khai các sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mại đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Tiêu biểu là nhóm giải pháp VFS Invest - Vừa vận với từng đối tượng KH (VFS-New; VFS-Grow; VFS-Pro; VFS-Margin+ và VFS-Expert), giúp thu hút được nhiều khách hàng mới, qua đó thúc đẩy gia tăng thị phần và tăng doanh số giao dịch.
- Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu được chú trọng, từng bước nâng cao hình ảnh, thương hiệu của VFS trên thị trường tài chính.
- Các tỷ lệ an toàn được đảm bảo theo quy định.

THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị: đồng

Họ Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2024
Trần Anh Thắng	Tổng Giám đốc	1.833.529.538
Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	1.143.679.221
Trịnh Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc	1.285.477.074
Nguyễn Tài Vinh	Phó Tổng Giám đốc	906.854.718

A person in a dark suit and tie is shown from the chest down, leaning over a chessboard. Their right hand is in the process of moving a white chess piece. The chessboard is on a reflective surface, and the background is a blurred office setting with blue lighting. The overall mood is professional and strategic.

03

KẾ HOẠCH
KINH DOANH
NĂM 2025

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025



Kinh tế dự báo hồi phục

- GDP dự kiến 2025: 7,5% - 8% (cao hơn 7% của năm 2024).
- Tỷ giá và lạm phát tiếp tục duy trì ổn định trong mục tiêu của Chính phủ.



Xu hướng dòng tiền

- Dòng tiền năm 2025 sẽ tập trung vào nhóm cổ phiếu có định giá rẻ với kỳ vọng kết quả kinh doanh hồi phục hoặc duy trì tăng trưởng kết quả kinh doanh ổn định.



Đẩy mạnh đầu tư công

- Chú trọng đẩy mạnh đầu tư công với các gói kích thích lớn và giải quyết vướng mắc giải ngân vốn. Kế hoạch vốn triển khai cho năm 2025 là khoảng 791 nghìn tỷ đồng (+20,2% yoy).



Hệ thống KRX & nâng hạng thị trường

- Kỳ vọng hệ thống KRX vận hành đúng kế hoạch trong năm 2025.
- Triển vọng nâng hạng lên thị trường mới nổi rõ ràng hơn khi các tiêu chí dần được đáp ứng.



Các yếu tố rủi ro

- Rủi ro bất ổn thương mại toàn cầu khi các chính sách thuế quan của tổng thống D.Trump được áp dụng.
 - Căng thẳng và xung đột chính trị tại khu vực Trung Đông, Châu Âu: Nga - Ukraine; khu vực Bắc Á: bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan,...
- Có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu, gây ra những rủi ro lên an ninh năng lượng, lương thực,...



Triển vọng

- VN-Index kỳ vọng dao động trong biên độ 1.260 – 1.400 điểm trong năm 2025.
- Dòng tiền hoạt động sôi động hơn, kỳ vọng giao dịch ở mức bình quân 18 - 20 nghìn tỷ đồng/phiên, khi VN-Index vượt ngưỡng kháng cự 1.300 điểm.
- Các nhóm ngành tăng trưởng như: nhóm xây dựng, VLXD, ngân hàng, logistic, bất động sản khu công nghiệp, dệt may, công nghệ, hóa chất.

TRIỂN VỌNG CỦA VFS 2025



Môi giới

- Dự kiến dòng tiền NĐT, thanh khoản thị trường tăng mạnh so với cuối 2024.
- Dự địa tăng trưởng còn nhiều, khi số lượng NĐT tham gia thị trường tiếp tục tăng trưởng trung bình 20%/năm.
- Triển khai, đưa vào vận hành phần mềm, ứng dụng công nghệ trong dịch vụ khách hàng, giao dịch chứng khoán sẽ thúc đẩy số lượng khách hàng mới, tăng trải nghiệm người dùng và giao dịch;



Cho vay

- Thanh khoản tăng, thị trường hồi phục, kích thích nhu cầu về vốn đầu tư.
- Mở rộng nguồn vốn cho vay từ tín dụng và tăng vốn CSH
- Tiếp tục triển khai nhóm giải pháp, sản phẩm linh hoạt với từng đối tượng NĐT, thúc đẩy tăng doanh số và dư nợ.



Tự doanh

- Thị trường hồi phục và tăng điểm.
- Nguồn vốn mở rộng để phát triển mảng tự doanh.



Tư vấn

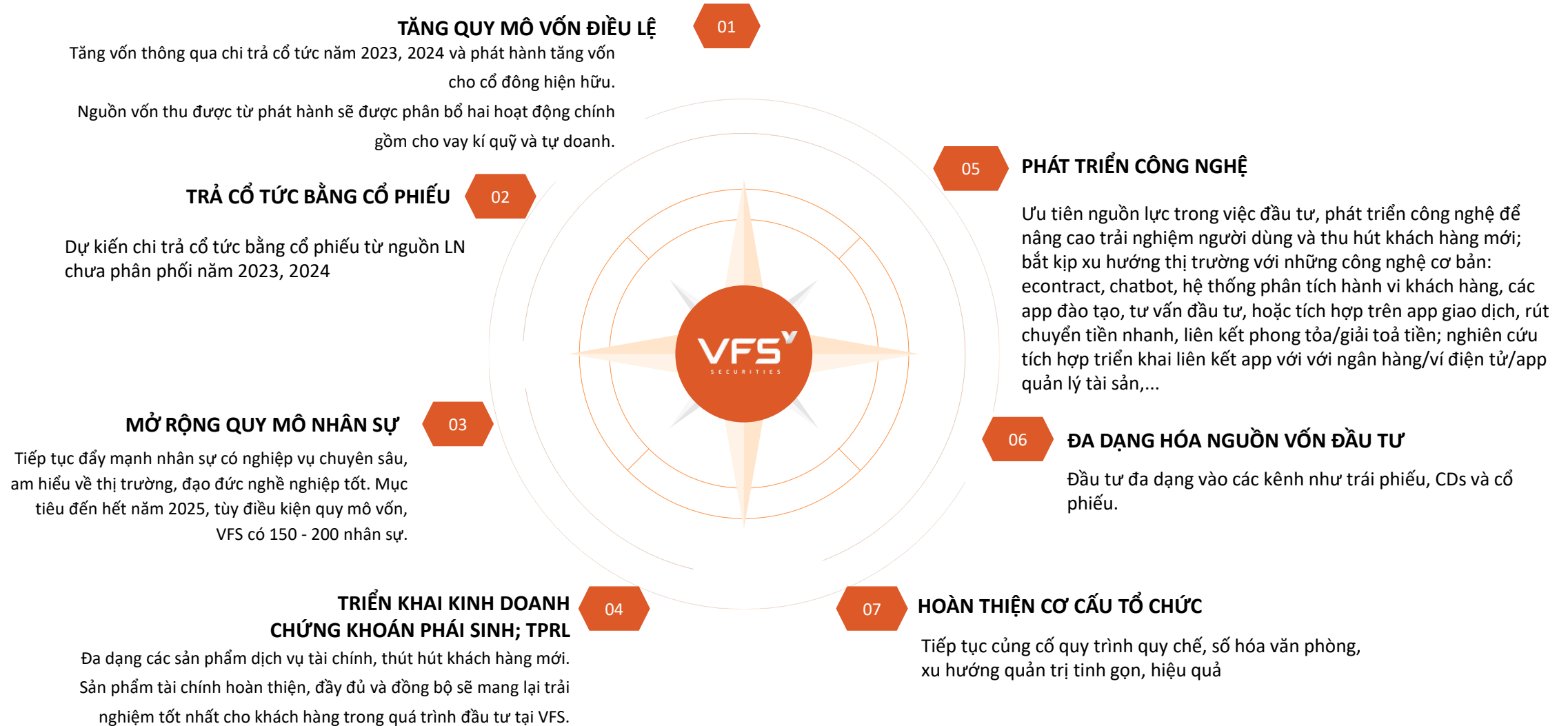
- Nền kinh tế hồi phục, kích thích nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp và niêm yết lên sàn chứng khoán.



Triển vọng ngành chứng khoán

- Mảng môi giới hưởng lợi từ sự phát triển chung của thị trường chứng khoán với thanh khoản tăng.
- Mảng cho vay margin tiếp tục được mở rộng với các phương án tăng vốn, nâng cao khả năng cho vay toàn ngành.
- Thị trường TPĐN sẽ khởi sắc trong năm 2025 nhờ nhiều yếu tố hỗ trợ tích cực từ vĩ mô, chính sách tiền tệ nới lỏng cùng các quy định pháp lý rõ ràng.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	% Tăng/Giảm so với 2024
Tổng doanh thu	293.671	515.155	75%
- Doanh thu phí Môi giới	48.823	64.700	33%
- Doanh thu kí quỹ	96.637	169.116	75%
- Doanh thu tự doanh	129.141	270.729	110%
- Doanh thu LKCK	1.280	1.294	1%
- Doanh thu tư vấn TCDN	3.062	3.280	7%
- Doanh thu tư vấn đầu tư	-	3.525	-
- Lãi TGNH và Doanh thu khác	14.728	2.511	-83%
TỔNG CHI PHÍ	137.583	342.687	149%
Lợi nhuận trước thuế	156.088	172.468	10,5%
Lợi nhuận sau thuế	125.172	137.975	10,2%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024)

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định và đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 trên trang thông tin điện tử Công ty, bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2024;
- Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2024;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2024;
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2024.

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính: Chấp nhận toàn phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025)

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2025; thực hiện kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt như sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY);
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC);
- Công ty TNHH KPMG (KPMG);
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte).

Kính đề nghị HĐQT thông qua việc ủy quyền cho HDQT lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách như trên.

Trường hợp không thương lượng được với các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thì HĐQT ủy quyền cho HDQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác có uy tín, chất lượng kiểm toán, mức phí kiểm toán phù hợp và đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 (Chi tiết theo Danh sách đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



TY
IỂN
KHOẢN
VIỆT

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2025

STT	Tên Công ty
1.	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
2.	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) (GT)
3.	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4.	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn Ecovis AFA Việt Nam (Ecovis AFA)
5.	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
6.	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Chuẩn Việt)
7.	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt CPA)
8.	Công ty TNHH Kiểm toán Vaco (Vaco)
9.	Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (Sao Việt)
10.	Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11.	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
12.	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
13.	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
14.	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
15.	Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
16.	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
17.	Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
18.	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế (ICPA)
19.	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
20.	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)
21.	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
22.	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế (IAV)

Số: 01/2025/TT-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025; Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2025 của Công ty như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận 2024

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2024	125.172.469.958
2	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	117.502.813.083
3	Trích lập các quỹ năm 2024	7.050.168.784
	<i>Trích quỹ khen thưởng (3% LNST đã thực hiện)</i>	<i>3.525.084.392</i>
	<i>Trích quỹ phúc lợi (3% LNST đã thực hiện)</i>	<i>3.525.084.392</i>
4	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2024 sau khi trích lập các quỹ	110.452.644.299
5	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện giữ lại các năm trước	242.285.989.325
6	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối lũy kế sau khi trích lập các quỹ	352.738.633.624
7	Cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 8%)	96.000.000.000
8	Cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 8%) ⁽¹⁾	103.680.000.000
9	Lợi nhuận còn lại lũy kế sau khi trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2024	153.058.633.624



(1) Cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu được chi trả sau khi Công ty hoàn tất được việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu. Tỷ lệ trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu là 8% tương đương với giá trị tối đa là 103.680.000.000 đồng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2025

Tỷ lệ trả cổ tức năm 2025: Dự kiến 10%

Trích quỹ năm 2025: Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện dựa trên kết quả kinh doanh năm 2025.

3. Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024:

STT	Nội dung	Thù lao, phụ cấp cả năm 2024 (đồng)
1	Thù lao Chủ tịch HĐQT	111.136.365
2	Thù lao Phó chủ tịch HĐQT	67.222.224
3	Thù lao/phụ cấp các Thành viên HĐQT	197.386.368
4	Thù lao Trường BKS ⁽²⁾	20.454.547
5	Thù lao các Thành viên BKS ⁽³⁾	16.363.634
	Tổng cộng⁽⁴⁾	412.563.138

(2),(3) ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt ngày 20/4/2024 đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2024 – 2029 và thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty, do đó, Ban kiểm soát Công ty chỉ hoạt động đến từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024.

(4) Thù lao của Ủy ban kiểm toán năm 2024 là 0 đồng.

4. Kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2025

Căn cứ trên Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao, phụ cấp cho HĐQT Công ty năm 2025 như sau:

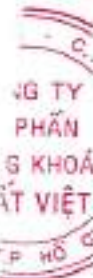
STT	Nội dung	Năm 2025
1	Thù lao Chủ tịch HĐQT	10.000.000 đồng/tháng
	Thù lao, phụ cấp Thành viên HĐQT ⁽⁴⁾	5.000.000 đồng/người/tháng

(4) Do các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm công việc tại Ủy ban kiểm toán, Ủy ban kiểm toán không nhận thù lao năm 2025.

5. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Ngân sách hoạt động của HĐQT để trang trải cho các chi phí hoạt động cụ thể như sau:

- Chi phí giao dịch tiếp khách;
- Chi phí hội họp, hội thảo;
- Chi phí đào tạo;



- Chi phí thuê tư vấn và các dịch vụ khác cho hoạt động của HĐQT;
- Chi khen thưởng.

Mức Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 là 1,5% Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (tương đương với số tiền là 1.877.587.049 đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



TỜ TRÌNH

(V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Căn cứ vào tình hình quản trị của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các nội dung cụ thể như trong Phụ lục số 01 - Danh mục các nội dung sửa đổi, bổ sung chính của Điều lệ Công ty và toàn văn bản dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Bản Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 được thông qua và sẽ thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

PHỤ LỤC SỐ 01 - DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

(Kèm theo Tờ trình số 04/2025/TTr-HDQT-VFS, ngày 20 tháng 11 năm 2025 của HDQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt)

Diễn giải: Nội dung gạch chân thể hiện các điểm sửa đổi, bổ sung của Điều lệ mới so với Điều lệ hiện hành.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 10 - điểm 6	Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (<u>tuân thủ theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ</u>) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	Chỉnh sửa để phù hợp với Quy định Pháp luật về thời hạn đăng ký mua khi Công ty thực hiện chào bán cổ phần

2.	Điều 33 - Điểm 1	Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 đến 11 người.	Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ <u>03</u> đến 11 người.	Thay đổi phù hợp với tình hình thực tế của Công ty
3.	Điều 34 Khoản 2.h	Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; 	Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty <u>và các trường hợp quy định một tỷ lệ khác hoặc giá trị khác theo quy chế phân cấp thẩm quyền của Công ty tùy từng thời kỳ,</u> trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung để phù hợp với nhu cầu quản trị Công ty

4.	<p>Chương VIII. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT Điều 40,41,42,43,44</p>	<p>Điều 39. Ủy ban Kiểm toán</p> <p>1. <i>Cơ cấu tổ chức:</i></p> <p>...</p> <p>2. Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:</p> <p>....</p>	<p>Thay thế điều 39 thành các Điều 40,41,42,43,44 như sau:</p> <p>VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải người điều hành Công ty. 2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. <p>Điều 41. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. 2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau: 	<p>Đảm bảo yêu cầu Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ</p>
----	--	---	---	---

			<p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p> <p>Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none">1. Hỗ trợ công tác Quản trị doanh nghiệp;2. Thẩm định Báo cáo Tài chính và Giám sát Công bố thông tin;3. Giám sát duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;4. Rà soát các giao dịch với người có liên quan;5. Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ;6. Giám sát thực hiện dịch vụ của Đơn vị Kiểm toán độc lập;7. Yêu cầu bất kỳ người lao động nào của Công ty cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán;8. Tiếp cận trực tiếp và không giới hạn với đại diện của Đơn vị Kiểm toán độc lập cho mục đích	
--	--	--	---	--

			<p>thực hiện chức năng, và nhiệm vụ của mình;</p> <p>9. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Ủy ban Kiểm toán có thể tổ chức họp với bất kỳ nhân sự có liên quan của Công ty mà không cần có sự hiện diện của Ban điều hành, với điều kiện là việc tổ chức họp này không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty;</p> <p>10. Tham khảo ý kiến tư vấn pháp lý bên ngoài hoặc các ý kiến tư vấn chuyên môn độc lập khác trong trường hợp Ủy ban Kiểm toán xét thấy cần thiết. Công ty sẽ chi trả các khoản chi phí này với điều kiện là đơn vị tư vấn, phạm vi tư vấn và mức phí tư vấn phải được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm trước khi ký kết và thực hiện;</p> <p>11. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;</p> <p>12. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>Điều 43. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và ác thành viên Ủy ban kiểm toán</p>	
--	--	--	---	--

			<p>tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế Hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>Điều 44. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành</p>	
--	--	--	---	--

			<p>viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p>	
--	--	--	--	--

			<p>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông.</p>	
--	--	--	--	--



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	8
Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty.....	8
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động:.....	8
Điều 7. Quyền của Công ty.....	9
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty.....	9
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	11
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	12
Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần.....	12
Điều 11. Số đăng ký cổ đông.....	14
Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu.....	14
Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần.....	15
Điều 15. Thu hồi cổ phần và mua lại cổ phần.....	15
Điều 16. Cách thức tăng giảm vốn Điều lệ.....	16
V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty.....	16
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty.....	18
Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.....	19
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	20
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	20
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	23

Điều 24. Thay đổi các quyền.....	24
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	28
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	31
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 37. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	37
Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty.....	39
VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán	39
Điều 41. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	39
Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.....	40
Điều 43. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.....	40
Điều 44. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	41
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	41
Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý	41
Điều 46. Người điều hành Công ty	41
Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	42
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	44
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	44
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	44

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	45
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn	45
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	45
Điều 52. Phân phối lợi nhuận.....	45
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	45
Điều 53. Tài khoản ngân hàng	45
Điều 54. Năm tài chính	46
Điều 55. Chế độ kế toán.....	46
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	46
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	46
Điều 57. Báo cáo thường niên.....	46
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	46
Điều 58. Kiểm toán	46
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	47
Điều 59. Dấu của doanh nghiệp	47
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	47
Điều 60. Giải thể công ty	47
Điều 61. Gia hạn hoạt động.....	47
Điều 62. Thanh lý.....	47
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	48
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ	48
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	49
Điều 64. Điều lệ công ty.....	49
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	49
Điều 65. Ngày hiệu lực	49

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Công ty* là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Nhất Việt;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - h) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
 - i) *Người quản lý Công ty* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

- j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET FIRST SECURITIES CORPORATION
 - Tên Công ty viết tắt: VFS
2. Hình thức pháp lý Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, Số 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại: 028 6255 6586 - Fax: 028 6255 6580
 - Website: <https://www.vfs.com.vn>
4. Mạng lưới hoạt động:

- a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện của mình;
- c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
- e) Thông tin các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện hiện tại của Công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 60 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực

hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty được thành lập để thực hiện các ngành nghề kinh doanh đăng ký và đã được cấp phép theo quy định của Pháp luật; Nhằm mục tiêu thu lợi nhuận; Tăng lợi tức cho cổ đông; Tạo việc làm ổn định cho Người lao động; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước; Đầu tư mở rộng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

- a) Môi giới chứng khoán;
- b) Tự doanh chứng khoán;
- c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- d) Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các dịch vụ quy định đương nhiên được thực hiện khi được cấp phép các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại Điều 86 Luật Chứng khoán, Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán, cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bù trừ và thanh toán chứng khoán, các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận; cung cấp các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước bằng văn bản. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động:

1. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty; Điều hành hoạt động Công ty là các thành viên Hội đồng quản trị điều hành và Tổng Giám đốc; Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm; Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc.
2. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
3. Thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng, trung thực.
4. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
6. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
7. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
8. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

- j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;
- l) Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức và tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

- a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- c) Không được thực hiện các hành vi sau:
 - i. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - ii. Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - iii. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - iv. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - v. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

- a) Không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin

theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

- e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp;
- f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j) Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - i. Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - ii. Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

- a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
- a) Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - i. Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - ii. Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - iii. Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - b) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;
 - b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.200.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm tỷ đồng).
2. Các loại cổ phần:
 - a) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 120.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
 - b) Các loại cổ phần của Công ty:

- Cổ phần phổ thông: 120.000.000 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi khác: 0 cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.
 5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tuân thủ theo quy định của Pháp luật trong từng thời kỳ) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
 7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 9. Đặc điểm của các loại cổ phần:
 - a) Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b) Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - d) Cổ phần ưu đãi khác: theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản chi phí nào khi mua cổ phiếu mới được phát hành.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy.
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình

thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành có quy định khác.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ này hoặc này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến cổ phiếu này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thu hồi cổ phần và mua lại cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

7. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Các trường hợp mua lại cổ phần
 - a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định trong Điều lệ. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
 - b) Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng Vốn Điều lệ của Công ty:
 - a) Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - e) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ;
 - f) Cách thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc giảm Vốn Điều lệ Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác

do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng

cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm, và các cổ đông khác đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử này phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
- a) Nhận cổ tức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
5. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:
- a) Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
6. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là người được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện;
 - b) Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số

cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.
5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:
 - a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
 - c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Công ty được tổ chức và quản trị dựa trên mô hình được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Ban Tổng Giám đốc.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo kết quả hoạt động giám sát, kiểm toán nội bộ của Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị;
 - e) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền hoặc ủy quyền theo mẫu của Công ty thì phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và 28 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được

lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 27. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;
 - Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Bổ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền

yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 (bốn) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ

về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 11 người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp nêu trên.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty. Mọi hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các trường hợp quy định một tỷ lệ khác hoặc giá trị khác theo quy chế phân cấp thẩm quyền của Công ty tùy từng thời kỳ, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định

tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn

khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

1. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Phó Chủ tịch thường trực thực hiện các công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a) Thực hiện các công việc thường trực:
 - i. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;
 - ii. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iii. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - b) Thực hiện các công việc theo ủy quyền bằng văn bản khi Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt:
 - i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - ii. Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - iii. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iv. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 41. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

1. Hỗ trợ công tác Quản trị doanh nghiệp;
2. Thẩm định Báo cáo Tài chính và Giám sát Công bố thông tin;
3. Giám sát duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
4. Rà soát các giao dịch với người có liên quan;
5. Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ;
6. Giám sát thực hiện dịch vụ của Đơn vị Kiểm toán độc lập;
7. Yêu cầu bất kỳ người lao động nào của Công ty cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán;
8. Tiếp cận trực tiếp và không giới hạn với đại diện của Đơn vị Kiểm toán độc lập cho mục đích thực hiện chức năng, và nhiệm vụ của mình;
9. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Ủy ban Kiểm toán có thể tổ chức họp với bất kỳ nhân sự có liên quan của Công ty mà không cần có sự hiện diện của Ban điều hành, với điều kiện là việc tổ chức họp này không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty;
10. Tham khảo ý kiến tư vấn pháp lý bên ngoài hoặc các ý kiến tư vấn chuyên môn độc lập khác trong trường hợp Ủy ban Kiểm toán xét thấy cần thiết. Công ty sẽ chi trả các khoản chi phí này với điều kiện là đơn vị tư vấn, phạm vi tư vấn và mức phí tư vấn phải được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm trước khi ký kết và thực hiện;
11. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;
12. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

Điều 43. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và ác thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế Hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp

số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 44. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;
 - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông.

IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Người điều hành Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành

Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên.

Điều 55. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn

một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 60. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 61. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 62. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03

thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 65 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt nhất trí thông qua ngày 20 tháng 3 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN ANH THẮNG

TỜ TRÌNH

(Về việc bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào tình hình quản trị của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với các nội dung cụ thể như trong Phụ lục số 01 - Danh mục các nội dung sửa đổi, bổ sung chính của Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và toàn văn bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và thay thế cho bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

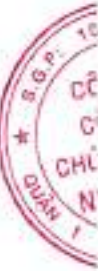
Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



PHỤ LỤC SỐ 01 - DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Kèm theo Tờ trình số 05/2025/ TTr-HĐQT-VFS, ngày 30 tháng 03 năm 2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt)

Diễn giải: Nội dung gạch chân thể hiện các điểm sửa đổi, bổ sung của Quy chế mới so với Quy chế hiện hành.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1.	Điều khoản 11	<p>Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>....</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp được Đại hội đồng ủy quyền phê duyệt giá trị cao hơn</p> <p>.....</p>	<p>Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>....</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các trường hợp quy định một tỷ lệ khác hoặc giá trị khác theo quy chế phân cấp thẩm quyền của Công ty tùy từng thời kỳ, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>.....</p>	Sửa đổi, Bổ sung để phù hợp với nhu cầu quản trị Công ty và thống nhất với Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung
2.	Điều 17	<p>Điều 17. Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Hội Đồng Quản Trị</p> <p>(Không có)</p>	<p>Điều 17. Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Hội Đồng Quản Trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý</p>	Bổ sung đảm bảo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty

PHẦN
G T
KH
V
T
H

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
			<p>kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết;</p> <p>2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết. Các thành viên Hội đồng quản trị phải gửi phiếu biểu quyết hoặc cho ý kiến biểu quyết đến văn phòng Hội đồng Quản trị để thực hiện kiểm phiếu trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo lấy ý kiến bằng văn bản (dưới các hình thức: gửi phiếu biểu quyết trực tiếp, thư điện tử, cho ý kiến thông qua các hệ thống văn phòng điện tử ... hoặc các hình thức khác theo thông báo lấy ý kiến bằng văn bản). Trường hợp hết hạn lấy ý kiến mà thành viên Hội đồng quản trị không gửi ý kiến biểu quyết thì được coi là bỏ phiếu trắng;</p> <p>3. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ban Kiểm phiếu được Hội đồng Quản trị quy định tùy từng thời kỳ.</p> <p>4. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được

bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên;

- c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các trường hợp quy định một tỷ lệ khác hoặc giá trị khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp .
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán để thực hiện chức năng theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty. Số lượng thành viên của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Trưởng Ủy ban Kiểm toán là Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán phải tuân thủ theo quy định của Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành. Nghị quyết của Ủy ban Kiểm toán chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, của Ủy ban Kiểm toán phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo

luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Hội Đồng Quản Trị

1. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết;
2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết. Các thành viên Hội đồng quản trị phải gửi phiếu biểu quyết hoặc cho ý kiến biểu quyết đến Văn phòng Hội đồng Quản trị để thực hiện kiểm phiếu trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo lấy ý kiến bằng văn bản (dưới các hình thức: gửi phiếu biểu quyết trực tiếp, thư điện tử, cho ý kiến thông qua các hệ thống văn phòng điện tử ... hoặc các hình thức khác theo thông báo lấy ý kiến bằng văn bản). Trường hợp hết hạn lấy ý kiến mà thành viên Hội đồng quản trị không gửi ý kiến biểu quyết thì được coi là bỏ phiếu trắng;
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ban Kiểm phiếu được Hội đồng Quản trị quy định tùy từng thời kỳ.
4. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này, và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm VII chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 03 năm 2025

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

Số 06/2025/TT-HDQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2025

TỜ TRÌNH

(Về việc bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Căn cứ vào tình hình quản trị của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với các nội dung cụ thể như trong Phụ lục số 01 - Danh mục các nội dung sửa đổi, bổ sung chính của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và toàn văn bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



PHỤ LỤC SỐ 01 - DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Kèm theo Tờ trình số 06/2025/ TTr-HDQT-VFS, ngày 10 tháng 03 năm 2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt)

Diễn giải: Nội dung gạch chân thể hiện các điểm sửa đổi, bổ sung của Quy chế mới so với Quy chế hiện hành.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1.	<u>Điều khoản 1</u> 8	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị” a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 đến 11 người.	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị” a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ <u>03</u> đến 11 người.	Sửa đổi, Bổ sung để phù hợp với nhu cầu quản trị Công ty và thống nhất với Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm các nội dung sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:



- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ);

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp); Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện chuẩn bị chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 25 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

9. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) Luật Doanh nghiệp;

Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

(Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.)

10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - Định hướng phát triển công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty.
13. Cách thức bỏ phiếu: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
14. Cách thức kiểm phiếu: Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định;
15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2,3 Điều 28 Điều lệ và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 28 Điều lệ Công ty và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp

và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

16. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa;
17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội

đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.
Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Quy định cụ thể tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện như hình thức họp trực tiếp nêu ở Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông và được xác định là cổ đông hợp lệ, Công ty cấp cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền một Tài khoản truy cập để thực hiện đăng ký tham dự đại hội trực tuyến và bỏ phiếu trực tuyến.
- Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và mẫu khẩu xác thực một lần (mã OTP) để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty (<https://vfs.com.vn/>). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
- Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội trực tuyến, phải cung cấp đầy đủ và bảo mật Tài khoản truy cập cũng như các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để người được ủy quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu trực tuyến các nội dung của Đại hội. Cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu trực tuyến theo Tài khoản truy cập đã được cấp.
4. Điều kiện tiến hành
- a) Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
 - b) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật an toàn thông tin mạng.
 - Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.
5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Quy chế này.
6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến
- a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang web <https://vfs.com.vn/> theo hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.

- b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.
- d) Khi điều hành Đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Sau khi đóng Hệ thống bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu trực tuyến để tổng hợp kết quả biểu quyết.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Việc lập biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại Khoản 15 Điều 3 Quy chế này.
- b) Biên bản được lập xong phải thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.
- b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài

liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp được công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo từng năm.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý

- quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
 - b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 11 người.

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

c) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy

chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định đã nêu trên.
- d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc do thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phải được thông báo cho các cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.
 7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị; đồng thời quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (nếu có) theo Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu:
Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
5. Cách thức biểu quyết: Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- 1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- 2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
9. Có quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
10. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán tại cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;;
11. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
12. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
13. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau đây:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.



3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 14. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 15, Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp

là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- d) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số

thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

3. Hội đồng quản trị họp và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - a) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị (được Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ) hoặc được thuê theo hợp đồng lao động. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định đối với Công ty đại chúng.
 - b) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm, chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; đồng thời quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (nếu có) theo Điều lệ Công ty.
 - c) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - d) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 - b) Tổng Giám đốc có thể trực tiếp hoặc cử thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc dự họp có thể tham gia thảo luận, nhưng không tham gia biểu quyết.
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Tổng Giám đốc trong thời gian bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng quản trị.

- d) Khi cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc. Thư mời có đầy đủ nội dung cần thiết, được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước cuộc họp. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc: Người quản trị Công ty/ Thư ký Công ty có trách nhiệm gửi bản sao các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc (trong thời hạn 10 ngày) để Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình.
 3. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người quản lý khác.
- a) Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b Khoản này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
 - a) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 06 tháng, năm), hoặc khi có yêu cầu.
 - b) Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền thông qua truyền đạt của Tổng Giám đốc yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc và trưởng, phó phòng ban Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Định kỳ (quý, 06 tháng, năm), Tổng Giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - b) Biên bản họp phải lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:
 - a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b) Báo cáo hoạt động điều hành Công ty, trong đó cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty.
 - c) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp.
 - d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
 - e) Kiến nghị số lượng nhân sự quản lý, các chức danh khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định chính sách về công tác nhân sự quản lý.
 - f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.
 - g) Chuẩn bị và đệ trình để Hội đồng quản trị thông qua các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
 - h) Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
 - a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tại thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động chung.
 - b) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.
 - c) Trường hợp cấp bách, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp gỡ, điện thoại, email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc để được giải quyết hiệu quả.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

- a) Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, nhân sự quản lý:
- Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhân sự quản lý từ trưởng, phó phòng, ban Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- b) Khen thưởng:
- Hàng năm, căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quyết định mức khen thưởng đối với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành, Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ phân phối giữa Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành.
 - Chế độ khen thưởng: bằng tiền và/hoặc bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho công nhân viên (nếu có).
 - Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng của Công ty, quỹ khen thưởng của ban quản lý điều hành khi đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận.
 - Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.
- c) Xử lý vi phạm và kỷ luật:
- Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và các văn bản của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định Công ty, thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20: Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và cán bộ, nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm 07 mục, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 03 năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



Số: 07/2025/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v Tiếp tục phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua việc tiếp tục thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu với nội dung chi tiết như sau:

I. TIẾP TỤC PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Theo đó, HĐQT đã thực hiện triển khai phương án phát hành theo Nghị quyết HĐQT số 05/2024/NQ/VFS-HĐQT ngày 23/05/2024 và Nghị quyết HĐQT số 08/2025/NQ/VFS-HĐQT ngày 18/02/2025.

Ngày 10/03/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 116/UBCK-QLKD công bố thông tin chấp thuận việc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023. HĐQT đang triển khai việc phân phối cổ phiếu và hoàn tất cả thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 8% cho cổ đông.

HĐQT kính báo cáo ĐHĐCĐ.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

1. Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
2. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
3. Mã chứng khoán : VFS



4. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
6. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
7. Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
8. Vốn điều lệ dự kiến tối đa trước khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 : 1.296.000.000.000 đồng
(Vốn điều lệ thực tế được xác định sau khi Công ty hoàn thành đợt phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 tại Mục I)
9. Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến tối đa trước khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 : 129.600.000 cổ phiếu
(Số lượng cổ phiếu lưu hành thực tế được xác định sau khi Công ty hoàn thành đợt phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 tại Mục I)
10. Tỷ lệ phát hành : **8% tổng số cổ phiếu lưu hành thực tế của Công ty tại thời điểm thực hiện phát hành.**
11. Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến tối đa : **10.368.000 cổ phiếu**
12. Tổng giá trị phát hành dự kiến tối đa (theo mệnh giá) : **103.680.000.000 đồng**
13. Tỷ lệ thực hiện quyền : 100 : 8 (Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức nắm giữ 01 (một) cổ phiếu sẽ được hưởng 01 (một) quyền nhận cổ tức, cứ 100 quyền nhận cổ tức sẽ được nhận thêm 8 cổ phiếu mới).
14. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được Công ty hủy bỏ.
15. Nguồn vốn sử dụng để phát hành : Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

16. Quy định về hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
- Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng.
17. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành : Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty
18. Thời gian dự kiến phát hành : Trong năm 2025, sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian phát hành theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.
19. Đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung : ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT chỉ đạo thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội toàn bộ số cổ phiếu phát hành trả cổ tức phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

20. Ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến:

- Quyết định số lượng cổ phiếu thực tế phát hành và vốn điều lệ sau khi Công ty hoàn thành đợt phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023;
- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành cụ thể tương ứng với tỷ lệ phát hành là 8% tổng số cổ phiếu lưu hành thực tế của Công ty tại thời điểm thực hiện phát hành.
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án phát hành để phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;

T. C.
 T. V.
 T. H.
 T. K.
 T. V.
 T. H.

- Chỉ đạo thực hiện các thủ tục xin phép UBCKNN phát hành cổ phiếu trả cổ tức, công bố thông tin về việc phát hành và báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN.
- Sửa đổi các điều khoản quy định về mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần trong Điều lệ Công ty theo kết quả phát hành thực tế.
- Chỉ đạo triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội toàn bộ số cổ phiếu phát hành trả cổ tức theo quy định của pháp luật.
- Giao HĐQT chỉ đạo thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty liên quan tới việc thay đổi số lượng cổ phần sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần.
- Giao HĐQT chỉ đạo thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phần với Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc tăng vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán
- Lưu:VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

Số: 08 /2025/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

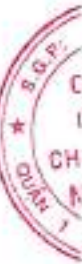
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) xem xét và thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với nội dung chi tiết như sau:

1. Phương án chào bán

- 1.1. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- 1.2. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- 1.3. Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- 1.4. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: **120.000.000 cổ phiếu**
- 1.5. Tổng giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá): **1.200.000.000.000 đồng**
- 1.6. Tỷ lệ thực hiện quyền: ĐHĐCD Ủy quyền cho HĐQT xác định tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở mức vốn điều lệ thực tế của Công ty tại thời điểm thực hiện chào bán.
- 1.7. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu.
- 1.8. Đối tượng chào bán: Tất cả các cổ đông hiện hữu của VFS có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- 1.9. Nguyên tắc xác định Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.



- giá chào bán: Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 là 13.257 đồng/ cổ phiếu.
- Để đảm bảo đợt chào bán thành công, chào bán được toàn bộ số cổ phần dự kiến, HĐQT đề xuất mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 1.10. Giá chào bán: **10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu**
- 1.11. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, số lượng cổ phiếu không chào bán hết (nếu có): Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối tiếp cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phiếu) toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu trong thời hạn Giấy phép chào bán cho phép (bao gồm cả thời gian gia hạn - nếu có) đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại này được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Việc chào bán cho các đối tượng khác nêu trên phải đảm bảo quy định về sở hữu chéo tại khoản 2 điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các quy định khác của pháp luật.
- 1.12. Điều kiện chuyển nhượng: (i) Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
- (ii) Số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- (iii) Số cổ phiếu lẻ phát sinh được phân phối tiếp sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- 1.13. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu.
- 1.14. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm: (i) Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- (ii) Quyền mua cổ phiếu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên.
- (iii) Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định.
- 1.15. Thời gian chào bán dự kiến và thứ tự thực hiện các đợt phát hành/chào bán: Năm 2025 - 2026, sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 và sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ

- bán: phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp theo chủ trương đã được ĐHDCĐ thông qua và phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 1.16. Phương thức thanh toán: Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở, Chi nhánh Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu trực tiếp tại Công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
- 1.17. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến Ủy quyền cho HĐQT đánh giá về việc pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền, pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết... tại thời điểm triển khai đợt chào bán và công bố thông tin này tại Bản cáo bạch
- 1.18. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- 1.19. Đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu chào bán thêm: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) sau khi hoàn thành đợt chào bán.

2. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến

Công ty không đặt chỉ tiêu tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào không đủ như dự kiến, tùy vào tình hình thực tế, ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phần còn lại.
- Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không có nhu cầu mua tiếp hoặc đối tượng khác không mua hết số cổ phần chưa chào bán hết, thì vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký căn cứ theo số cổ phần thực tế đã chào bán được, HĐQT căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty để cân đối sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trên cơ sở đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty.

3. Mục đích chào bán cổ phiếu

- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tăng vốn điều lệ giúp VFS chủ động, linh hoạt hơn trong sử dụng nguồn lực tài chính giảm áp lực huy động vốn từ các nguồn khác, từ đó tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường, tận dụng tốt hơn các cơ hội đầu tư

4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán và sự mở rộng quy mô hoạt động của Công ty trong thời gian qua, VFS ngày càng tiếp cận được với nhiều cơ hội kinh doanh hơn đồng nghĩa với việc nhu cầu sử dụng vốn lớn hơn, giá trị giao dịch có thể vượt nhiều lần phần vốn chủ sở hữu hiện có của Công ty. Do đó, VFS cần huy động bổ sung thêm nguồn lực tài chính để nâng cao năng lực tài chính và tối thiểu rủi ro thanh khoản.

Việc phát hành tăng vốn chủ sở hữu sẽ giúp VFS có thêm nguồn lực tài chính để bổ sung vốn hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán qua đó tăng sức mạnh cạnh tranh và mở rộng thị trường tăng thị phần môi giới và đồng thời bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh của Công ty để kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh trên thị trường tài chính.

Số tiền thu được dự kiến từ đợt chào bán là 1.200.000.000.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)
1	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán	600.000.000.000
2	Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ	600.000.000.000
Tổng cộng		1.200.000.000.000

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh/quyết định số tiền sử dụng cho từng mục đích nêu trên theo số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành đảm bảo tỷ lệ phân bổ số tiền sử dụng cho mỗi mục đích là 50% tổng số tiền thực tế thu được.

5. Ủy quyền

Sau khi ĐHCĐ biểu quyết chấp thuận phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng, cụ thể:

- Chi tiết mục đích sử dụng vốn theo chủ trương ĐHCĐ đã thông qua, phù hợp với quy định hiện hành.
- Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu thêm cổ phiếu ra công chúng:
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
 - Xác định tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở mức vốn điều lệ thực tế của Công ty tại thời điểm thực hiện chào bán.
 - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - Quyết định xử lý số lượng cổ phiếu đối với nhà đầu tư không thực hiện quyền mua, dôi dư trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư khác đáp ứng các điều kiện tại Khoản 3, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Cân đối và sử dụng nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông.
 - Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt phát hành nếu xét thấy cần thiết để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cho công ty, tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để xin cấp phép chào bán cổ phiếu theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ nhằm đảm bảo cho việc xin phép chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- c. Thực hiện niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết để niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC sau khi hoàn tất đợt phát hành theo quy định.
- d. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi số lượng cổ phần, thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- e. Giao HĐQT thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty liên quan tới việc thay đổi số lượng cổ phần sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần. Giao HĐQT thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phần với Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- f. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy Ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

Số: *09*/2025/TT-HĐQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày *20* tháng *03* năm 2025

TỜ TRÌNH

*(V/v Chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các
Bên liên quan và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch lớn)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Để chủ động trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch trong giai đoạn 2025-2026 như sau:

1. Thông qua việc thực hiện đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

1.1. Nội dung giao dịch:

- a. Các giao dịch đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác;
- b. Các giao dịch bán tài sản;
- c. Các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật.

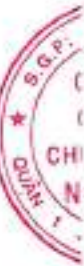
1.2. Đối tác giao dịch: Theo Phụ lục 01 đính kèm

2. Thông qua việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó

2.1. Nội dung giao dịch:

- a. Các giao dịch vay;
- b. Các giao dịch bán tài sản;
- c. Các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật.

2.2. Đối tác giao dịch: Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó



3. Thông qua việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng (kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên tính từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

3.1. Nội dung giao dịch với các Bên liên quan bao gồm nhưng không giới hạn:

- a. Các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;
- b. Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp tài sản trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên;
- c. Các giao dịch đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác;
- d. Các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật.

3.2. Đối tác giao dịch:

- Các Bên liên quan tham gia giao dịch bao gồm:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp 2020.
- Ngoài các Bên liên quan xác định theo quy định tại Khoản 2.2 này trong từng thời kỳ, các Bên liên quan và đối tượng thực hiện giao dịch khác được phê duyệt theo danh sách tại Phụ lục 01 đính kèm.

4. Nguyên tắc thực hiện giao dịch

- Tuân thủ theo quy định pháp luật và hệ thống quản trị nội bộ của Công ty.
- Tối ưu hiệu quả nguồn vốn và hoạt động kinh doanh Công ty.
- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện cụ thể được quy định tại Mục 1, 2, 3 Nghị quyết này.
- Kiểm soát rủi ro các giao dịch đồng thời đảm bảo lợi ích Công ty.
- Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

5. Thời gian thực hiện: Từ ngày Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 có hiệu lực cho đến thời điểm ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

6. Giao và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty

- Phê duyệt các giao dịch nêu trên theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị Quyết này.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch đã thông qua. Hội đồng quản trị được phân quyền, ủy quyền lại phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

30
NG
PH
G KH
QT VI
P H

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



PHỤ LỤC 01: CÁC ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH

STT	Đối tác giao dịch
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
3	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội
5	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
6	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
7	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
8	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
9	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
10	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
11	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
12	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
13	Ngân hàng TMCP Phương Đông
14	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
15	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
16	Ngân hàng TMCP Bắc Á
17	Ngân hàng TMCP An Bình
18	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
19	Ngân hàng TMCP Bản Việt
20	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam
21	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
22	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
23	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
24	Ngân hàng TMCP Kiên Long
25	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt



Số: 10./2025/TTr-HDQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20. tháng 03. năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v báo cáo việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh và tiếp tục xin cấp phép bổ sung nghiệp vụ)

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (“Công ty”) năm 2023 và năm 2024 đã thông qua việc triển khai các nghiệp vụ liên quan đến thị trường chứng khoán phái sinh. Trong năm 2023 và năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã chỉ đạo triển khai, hoàn thiện các điều kiện cần thiết và Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ xin cấp phép Hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh và Hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hiện tại, hồ sơ vẫn đang trong quá trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thẩm định và phê duyệt.

Việc triển khai các nghiệp vụ liên quan đến thị trường chứng khoán phái sinh sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng, do vậy Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua việc tiếp tục triển khai các nghiệp vụ liên quan đến thị trường chứng khoán phái sinh với các nội dung sau đây:

- 1. Triển khai các nghiệp vụ kinh doanh, tham gia vào Thị trường chứng khoán phái sinh ngay khi Công ty đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và pháp luật liên quan, với các vai trò sau:**
 - Hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, gồm:
 - + Môi giới chứng khoán phái sinh;
 - + Tự doanh chứng khoán phái sinh;
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.
 - Hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, gồm:
 - + Thực hiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của



- minh, khách hàng của mình và;
- + Thực hiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho thành viên không bù trừ và khách hàng của thành viên không bù trừ đó;
- Thực hiện đăng ký thành viên giao dịch và thành viên bù trừ chung trên thị trường chứng khoán phái sinh:
 - + Đăng ký Thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
 - + Đăng ký Thành viên bù trừ tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định khoản 11 và Khoản 12 Điều 3 Nghị định 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, bao gồm:
 - ✓ Thành viên bù trừ chung: là thành viên bù trừ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình, khách hàng của mình và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho thành viên không bù trừ và khách hàng của thành viên không bù trừ;
 - ✓ Thành viên bù trừ trực tiếp: là thành viên bù trừ chỉ được thực hiện bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của thành viên bù trừ đó hoặc của thành viên bù trừ đó và khách hàng của mình.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện toàn bộ các công việc còn lại cần thiết có liên quan để triển khai các nghiệp vụ kinh doanh, tham gia vào Thị trường chứng khoán phái sinh nêu tại mục 1 của Tờ trình này, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo quy định của pháp luật để triển khai các hoạt động nêu trên;
- Chỉ đạo thực hiện các công việc cần thiết có liên quan để triển khai các hoạt động nêu trên;
- Quyết định lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai các hoạt động nêu trên;
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký thành viên giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, thành viên bù trừ chung trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty để bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh sau khi được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện (nếu cần);
- Thực hiện thủ tục báo cáo, công bố thông tin và các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị được phép giao cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc quyết định thực hiện các công việc nêu tại mục 2 của Tờ trình này trong phạm vi thẩm quyền cho phép.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

10 -
 NG T
 PHẢI
 NG KH
 TẤT VI
 T P H C

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban Kiểm toán;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI



TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ vào nguyện vọng cá nhân của ông Trần Anh Thắng và ông Nguyễn Xuân Điệp,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Công ty cụ thể như sau:

- Ông Trần Anh Thắng: xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị vì lý do cá nhân;
- Ông Nguyễn Xuân Điệp: xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập vì lý do cá nhân.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông việc miễn nhiệm đối với 02 nhân sự nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- UBKT;
- Lưu:VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGHIÊM PHƯƠNG NHI

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 -2029

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Công ty cụ thể như sau:

- Nội dung hiện tại: Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 là 05 (năm) thành viên.
- Nội dung thay đổi: Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 là 03 (ba) thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- UBKT;
- Lưu:VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGHIÊM PHƯƠNG NHI